

Số: 27 /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2025

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống rửa tiền;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo; quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền và phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền; quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; chế độ báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo; chế độ báo cáo giao dịch đáng ngờ; giao dịch chuyển tiền điện tử; chế độ báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử; hình thức và thời hạn báo cáo dữ liệu điện tử; mức giá trị và giấy tờ xuất trình cho hải quan cửa khẩu khi mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, kim khí quý, đá quý vượt mức quy định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức tài chính.
- Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan.
- Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức nước ngoài, người nước ngoài, tổ chức quốc tế có giao dịch với tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh

ngành, nghề phi tài chính có liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến phòng, chống rửa tiền.

Điều 3. Tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo

1. Tiêu chí đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo bao gồm tiêu chí nguy cơ rửa tiền và tiêu chí mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo.

2. Tiêu chí nguy cơ rửa tiền bao gồm tiêu chí nguy cơ rửa tiền từ môi trường kinh doanh của đối tượng báo cáo và tiêu chí nguy cơ rửa tiền từ hoạt động kinh doanh của đối tượng báo cáo, cụ thể như sau:

a) Tiêu chí nguy cơ rửa tiền từ môi trường kinh doanh của đối tượng báo cáo bao gồm nguy cơ rửa tiền từ ngành, lĩnh vực; quốc gia, vùng lãnh thổ mà đối tượng báo cáo hoạt động theo kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền và do đối tượng báo cáo tự xác định;

b) Tiêu chí nguy cơ rửa tiền từ hoạt động kinh doanh của đối tượng báo cáo bao gồm nguy cơ rửa tiền từ khách hàng; nguy cơ rửa tiền từ sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng; nguy cơ rửa tiền từ cách thức phân phối sản phẩm, dịch vụ.

3. Tiêu chí mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo bao gồm tính toàn diện của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền và tính hiệu quả của việc thực hiện chính sách, quy định nội bộ đó, cụ thể như sau:

a) Tính toàn diện của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo bao gồm tính đầy đủ của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; mức độ phù hợp với quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền; mức độ phù hợp với mức độ rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo; việc định kỳ đánh giá lại chính sách, quy định nội bộ đó để phù hợp với thay đổi của quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động;

b) Tính hiệu quả của việc thực hiện chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo bao gồm hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền; mức độ hiểu biết, tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên có trách nhiệm liên quan về phòng, chống rửa tiền; mức độ hiệu quả quản lý công tác phòng, chống rửa tiền.

4. Phương pháp đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo là phương pháp chấm điểm. Phương pháp chấm điểm được thực hiện trên cơ sở tính điểm đối với từng tiêu chí quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, cụ thể như sau:

a) Điểm số của từng tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này được xác định theo thang điểm từ 1 đến 5 theo nguyên tắc điểm số có giá trị càng nhỏ thì nguy

cơ rửa tiền càng thấp;

b) Điểm số của từng tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều này được xác định theo thang điểm từ 1 đến 5 theo nguyên tắc điểm số có giá trị càng nhỏ thì mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền càng cao;

c) Trọng số của từng tiêu chí quy định tại khoản 2, 3 Điều này là tỷ lệ phần trăm (%) được xác định trên cơ sở tầm quan trọng của từng tiêu chí trong công tác phòng, chống rửa tiền. Đối tượng báo cáo tự xác định trọng số dựa trên quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động;

d) Điểm số của nguy cơ rửa tiền được xác định dựa trên việc tính toán tổng điểm từng tiêu chí nguy cơ rửa tiền quy định tại điểm a khoản này sau khi nhân với trọng số quy định tại điểm c khoản này. Nguy cơ rửa tiền thấp nếu điểm số nhỏ hơn hoặc bằng 1; nguy cơ rửa tiền trung bình thấp nếu điểm số lớn hơn 1 và nhỏ hơn hoặc bằng 2; nguy cơ rửa tiền trung bình nếu điểm số lớn hơn 2 và nhỏ hơn hoặc bằng 3; nguy cơ rửa tiền trung bình cao nếu điểm số lớn hơn 3 và nhỏ hơn hoặc bằng 4; nguy cơ rửa tiền cao nếu điểm lớn hơn 4 và nhỏ hơn hoặc bằng 5;

đ) Điểm số của mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền được xác định dựa trên việc tính toán tổng điểm từng tiêu chí mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền quy định tại điểm b khoản này sau khi nhân với trọng số quy định tại điểm c khoản này. Mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền cao nếu điểm số nhỏ hơn hoặc bằng 1; mức độ phù hợp của các chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền trung bình cao nếu điểm số lớn hơn 1 và nhỏ hơn hoặc bằng 2; mức độ phù hợp của các chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền trung bình nếu điểm số lớn hơn 2 và nhỏ hơn hoặc bằng 3; mức độ phù hợp của các chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền trung bình thấp nếu điểm số lớn hơn 3 và nhỏ hơn hoặc bằng 4; mức độ phù hợp của các chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền thấp nếu điểm số lớn hơn 4 và nhỏ hơn hoặc bằng 5;

e) Điểm số rủi ro về rửa tiền được xác định bằng việc tính trung bình cộng điểm số của nguy cơ rửa tiền và điểm số của mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền. Trường hợp điểm số càng nhỏ thì mức độ rủi ro về rửa tiền càng thấp: mức độ rủi ro về rửa tiền thấp nếu điểm số nhỏ hơn hoặc bằng 1; mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình thấp nếu điểm số lớn hơn 1 và nhỏ hơn hoặc bằng 2; mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình nếu điểm số lớn hơn 2 và nhỏ hơn hoặc bằng 3; mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình cao nếu điểm số lớn hơn 3 và nhỏ hơn hoặc bằng 4; mức độ rủi ro về rửa tiền cao nếu điểm số lớn hơn 4 và nhỏ hơn hoặc bằng 5.

5. Kỳ thu thập thông tin, số liệu phục vụ đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá, cập nhật. Đối tượng báo cáo phải hoàn thành báo cáo đánh

giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo.

6. Đối tượng báo cáo là chi nhánh của tổ chức nước ngoài được lựa chọn thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro rửa tiền theo các tiêu chí, phương pháp, kỳ thu thập thông tin, số liệu quy định tại Điều này hoặc theo quy định của tổ chức nước ngoài đó. Trong trường hợp lựa chọn thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro rửa tiền theo quy định của tổ chức nước ngoài, đối tượng báo cáo phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ, ngành quản lý nhà nước theo lĩnh vực của đối tượng báo cáo và phải chịu trách nhiệm đảm bảo: tiêu chí, phương pháp áp dụng đáp ứng các khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền; phải trình bày kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền và báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều này.

7. Đối tượng báo cáo phải báo cáo kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Phòng, chống rửa tiền cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ, ngành quản lý nhà nước theo lĩnh vực của đối tượng báo cáo theo mẫu tương ứng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền và phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền

1. Căn cứ kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này, đối tượng báo cáo xây dựng và ban hành quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền phải được người quản lý cấp cao có thẩm quyền theo quy định của pháp luật của đối tượng báo cáo hoặc người được người quản lý cấp cao có thẩm quyền ủy quyền phê duyệt và thể hiện theo từng bước phù hợp với quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động của đối tượng báo cáo để quản lý rủi ro về rửa tiền. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền bao gồm các nội dung tối thiểu sau:

- a) Xác định phạm vi, mục tiêu của hoạt động quản lý rủi ro về rửa tiền;
- b) Xác định, đánh giá mức độ ảnh hưởng của rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo;
- c) Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, trung bình, cao dựa vào các yếu tố sau: khách hàng; sản phẩm, dịch vụ khách hàng đang sử dụng hoặc có ý định sử dụng; vị trí địa lý nơi khách hàng cư trú hoặc có trụ sở chính và yếu tố khác do đối tượng báo cáo tự xác định, phân loại phù hợp với thực tế phát sinh và được quy định trong quy trình quản lý rủi ro;
- d) Quy trình để nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền trước khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới;
- đ) Quy trình quản lý rủi ro để thực hiện, từ chối, tạm dừng, kiểm soát sau giao dịch hoặc xem xét, báo cáo giao dịch đáng ngờ các giao dịch chuyển tiền điện tử không chính xác, không đầy đủ các thông tin theo yêu cầu;

e) Quy trình quản lý rủi ro trong trường hợp được cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng trước khi hoàn thành việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật, bao gồm các điều kiện cụ thể khách hàng có thể sử dụng sản phẩm, dịch vụ trước khi hoàn thành việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng;

g) Các biện pháp áp dụng tương ứng với các mức độ rủi ro về rửa tiền của khách hàng, bao gồm nội dung cập nhật thông tin nhận biết khách hàng, tần suất cập nhật thường xuyên thông tin nhận biết khách hàng, xác minh thông tin nhận biết khách hàng, mức độ giám sát giao dịch của khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền, các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹ và biện pháp tăng cường quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều này.

2. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, sau lần đầu thiết lập quan hệ với khách hàng, khi áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền, đối tượng báo cáo được lựa chọn áp dụng một hoặc tất cả các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹ sau:

a) Không thu thập thông tin về mục đích, bản chất mối quan hệ kinh doanh nếu thông qua các loại giao dịch hoặc mối quan hệ kinh doanh đã được thiết lập xác định được mục đích và bản chất mối quan hệ kinh doanh;

b) Giảm tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng so với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình;

c) Giảm mức độ giám sát giao dịch của khách hàng so với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình.

3. Đối tượng báo cáo không được áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹ trong trường hợp nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc trùng với kịch bản hoặc tình huống rủi ro cao nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do đối tượng báo cáo xác định.

4. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình, đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

5. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền cao, ngoài việc áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền, đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp tăng cường, bao gồm:

a) Có sự phê duyệt của cấp quản lý cao hơn ít nhất một cấp so với cấp phê duyệt áp dụng đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình về

việc thiết lập hoặc tiếp tục duy trì mối quan hệ kinh doanh với khách hàng có rủi ro cao;

b) Thu thập, cập nhật, xác minh bổ sung các thông tin của khách hàng cá nhân để phục vụ việc đánh giá và quản lý rủi ro khách hàng, bao gồm các thông tin tối thiểu sau: Mức thu nhập trung bình hàng tháng của khách hàng trong thời gian ít nhất 06 tháng gần nhất trước thời điểm đánh giá; thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức hoặc chủ cơ sở nơi làm việc hoặc nơi khách hàng có thu nhập chính (nếu có); thông tin liên quan đến nguồn tiền hoặc nguồn tài sản trong giao dịch của khách hàng;

c) Thu thập, cập nhật, xác minh bổ sung các thông tin của khách hàng tổ chức để phục vụ việc đánh giá và quản lý rủi ro khách hàng, bao gồm các thông tin tối thiểu sau: ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tạo doanh thu chính; tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất trước thời điểm đánh giá; thông tin liên quan đến nguồn tiền hoặc nguồn tài sản trong giao dịch của khách hàng;

d) Thu thập, cập nhật, xác minh bổ sung các thông tin khác (nếu có) phục vụ việc đánh giá và quản lý rủi ro khách hàng;

đ) Giám sát tăng cường các giao dịch của khách hàng thực hiện thông qua đối tượng báo cáo, mối quan hệ kinh doanh thông qua việc áp dụng các biện pháp kiểm soát và chọn mẫu giao dịch để kiểm tra, bảo đảm giao dịch của khách hàng phù hợp với mục đích, bản chất của mối quan hệ kinh doanh của khách hàng với đối tượng báo cáo, hoạt động kinh doanh của khách hàng; kịp thời phát hiện dấu hiệu đáng ngờ và xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ;

e) Tăng tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng so với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình.

6. Đối tượng báo cáo xác định người thụ hưởng của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ ngay sau khi người thụ hưởng được chỉ định bởi bên mua bảo hiểm và phải xác minh thông tin về người thụ hưởng vào thời điểm chi trả. Thông tin người thụ hưởng của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là một trong các yếu tố rà soát, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền.

Điều 5. Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

Nội dung quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền của đối tượng báo cáo tại các điểm b, c, e, g, h, i, k khoản 1 Điều 24 Luật Phòng, chống rửa tiền như sau:

1. Quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng được thực hiện trên cơ sở rủi ro bao gồm việc thu thập, cập nhật, xác minh thông tin theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phân cấp trách nhiệm nhận biết khách hàng theo mức độ rủi ro và theo quy mô, phạm vi, đặc thù hoạt động của đối tượng báo cáo với các nội dung sau:

a) Các trường hợp phải nhận biết khách hàng và việc thu thập, cập nhật

thông tin nhận biết khách hàng, bao gồm cả trường hợp nhận biết đối với khách hàng không có tài khoản hoặc có tài khoản nhưng không giao dịch trong thời gian 06 tháng liên tục trước đó thực hiện một giao dịch hoặc nhiều giao dịch để nộp, rút hoặc chuyển khoản có tổng giá trị từ 400.000.000 đồng hoặc bằng ngoại tệ có giá trị tương đương trở lên trong một ngày, trừ giao dịch tất toán hoặc rút lãi tiết kiệm, trả nợ thẻ tín dụng, trả nợ khoản cấp tín dụng cho tổ chức tài chính, khoản thanh toán định kỳ hoặc theo kỳ hạn/thời điểm đã đăng ký với tổ chức tài chính, giao dịch rút lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán, đầu tư trái phiếu;

b) Việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại các Điều 12, 13, 14 Luật Phòng, chống rửa tiền; Quy định về xác minh thông tin nhận biết khách hàng bao gồm cả xác minh thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng từ các nguồn thông tin đáng tin cậy;

c) Quy định về thông tin nhận biết đối với người đại diện hợp pháp theo ủy quyền hoặc đại diện theo pháp luật của khách hàng (nếu có), bao gồm cả trường hợp người đại diện cho khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý;

d) Quy định về thông tin nhận biết khách hàng trong trường hợp khách hàng là tổ chức theo quy định tại Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền. Trong đó, đối tượng báo cáo thực hiện thu thập thông tin về người thành lập theo quy định. Trường hợp không thể thu thập thông tin của người thành lập do đã thoái vốn, đã mất, không còn tồn tại hoặc không thể có đầy đủ thông tin, đối tượng báo cáo phải nêu rõ lý do của việc không thể thu thập thông tin trong quá trình nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng;

đ) Quy định về nhận biết khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý, thông tin nhận biết bao gồm: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt (đối với tổ chức nhận ủy thác) hoặc tên người nhận ủy thác (đối với cá nhân nhận ủy thác); địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức ủy thác, địa chỉ quốc tịch đối với cá nhân ủy thác; thông tin đăng ký/cấp phép do cơ quan thẩm quyền nước ngoài cấp (nếu có); lĩnh vực hoạt động; bên ủy thác, người thụ hưởng, các bên liên quan (nếu có), cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác;

e) Quy định về giám sát liên tục mối quan hệ kinh doanh với khách hàng trên cơ sở rủi ro thông qua việc: giám sát chặt chẽ các giao dịch phù hợp với mức độ rủi ro của khách hàng trong suốt quá trình thiết lập và duy trì mối quan hệ kinh doanh để đảm bảo các giao dịch phù hợp với thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập, hiểu biết về hoạt động kinh doanh của khách hàng, nguồn tiền hoặc nguồn tài sản trong giao dịch của khách hàng; và rà soát, đánh giá hồ sơ nhận biết khách hàng đảm bảo tài liệu, thông tin nhận biết khách hàng được cập nhật thường xuyên, đặc biệt là nhóm khách hàng có rủi ro cao;

g) Quy định về các thời điểm hoàn thành xác minh thông tin nhận biết khách hàng và thời điểm rà soát, cập nhật hồ sơ nhận biết khách hàng phù hợp với mức độ rủi ro của khách hàng và quy định pháp luật trong từng thời kỳ để đảm bảo tính khả thi, không làm gián đoạn hoạt động kinh doanh.

2. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo phải bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

3. Quy định về lưu trữ, thời hạn lưu trữ và bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 38, Điều 40 Luật Phòng, chống rửa tiền và pháp luật khác có liên quan, trong đó bao gồm cả trách nhiệm lưu trữ các thông tin, hồ sơ, tài liệu, kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo (nếu có) đối với các giao dịch dưới mức giao dịch có giá trị phải báo cáo để cung cấp kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Quy định về áp dụng biện pháp tạm thời theo quy định tại Điều 44 Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

5. Quy định về chế độ báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quy định về cách thức, quy trình báo cáo, cung cấp thông tin nhằm bảo đảm thời hạn và nội dung báo cáo theo quy định của pháp luật.

6. Quy định về tuyển dụng nhân sự phải bao gồm các quy định để nhận biết, lựa chọn nhân sự được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm; đào tạo kiến thức cơ bản về phòng, chống rửa tiền trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được tuyển dụng.

7. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền, bao gồm: quy định của pháp luật và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; trách nhiệm khi không thực hiện các quy định của pháp luật và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; phương thức, thủ đoạn rửa tiền; rủi ro về rửa tiền liên quan đến sản phẩm, dịch vụ; nhiệm vụ mà lãnh đạo, nhân viên được giao thực hiện.

8. Nội dung kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền bao gồm: kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan hệ thống kiểm soát nội bộ, việc tuân thủ quy định nội bộ và quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; kiến nghị, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác phòng, chống rửa tiền. Việc kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền có thể được tiến hành độc lập hoặc kết hợp với các nội dung khác nhưng phải là một nội dung riêng trong báo cáo kiểm toán. Trong trường hợp đối tượng báo cáo không phải thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật, đối tượng báo cáo phải đảm bảo thực hiện kiểm soát việc tuân thủ quy định nội bộ và quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

9. Nội dung trách nhiệm của cá nhân, bộ phận có liên quan trong việc thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền phải bảo đảm:

a) Phân công một người quản lý của đối tượng báo cáo hoặc người được người quản lý cấp cao theo quy định nội bộ ủy quyền chịu trách nhiệm về tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa

tiền (sau đây gọi là người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền);

b) Tùy theo quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động, đối tượng báo cáo phải thành lập bộ phận chuyên trách (tổ, phòng, ban) hoặc chỉ định một bộ phận hoặc chỉ định một người phụ trách về phòng, chống rửa tiền tại trụ sở chính; phân công một hoặc một số người hoặc bộ phận phụ trách về phòng, chống rửa tiền tại chi nhánh, công ty con của đối tượng báo cáo có liên quan đến nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền (nếu có).

10. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm:

a) Hằng năm, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền cho lãnh đạo, nhân viên có liên quan đến công tác phòng, chống rửa tiền (bao gồm cả nhân viên được giao nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến giao dịch tiền, tài sản với khách hàng);

b) Hằng năm, rà soát, cập nhật các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, chính sách, quy trình quản lý rủi ro phù hợp với kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo và tình hình thực tế thực hiện để đánh giá quy định nội bộ và xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu cần thiết); trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền gửi quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền cho Cục Phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng; gửi Bộ, ngành quản lý nhà nước theo lĩnh vực đối với các đối tượng báo cáo khác;

c) Hằng năm, gửi báo cáo kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo (trừ các đối tượng báo cáo không phải thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật) trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho Cục Phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng; gửi Bộ, ngành quản lý nhà nước theo lĩnh vực đối với các đối tượng báo cáo khác; Trường hợp đối tượng báo cáo không phải thực hiện kiểm toán nội bộ hằng năm theo quy định pháp luật, đối tượng báo cáo gửi báo cáo theo quy định này cho năm được kiểm toán;

d) Đăng ký thông tin về họ tên, địa chỉ nơi làm việc, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử để liên lạc khi cần thiết của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều này và người phụ trách về phòng, chống rửa tiền theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều này; địa chỉ thư điện tử của bộ phận theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều này (nếu có) cho Cục Phòng, chống rửa tiền và Bộ, ngành quản lý nhà nước theo lĩnh vực của đối tượng báo cáo;

đ) Thông báo bằng văn bản cho Cục Phòng, chống rửa tiền và Bộ, ngành quản lý nhà nước theo lĩnh vực của đối tượng báo cáo khi thông tin quy định tại điểm d khoản 10 Điều này có thay đổi trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thay đổi thông tin.

11. Đối tượng báo cáo là doanh nghiệp siêu nhỏ, cá nhân ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền có nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này và điểm a, đ khoản 1 Điều 24 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Điều 6. Chế độ báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo (bao gồm cả giao dịch tiền mặt được thực hiện qua máy nộp, rút tiền tự động hoặc máy giao dịch tự động) theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Phòng, chống rửa tiền cho Cục Phòng, chống rửa tiền bằng dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này hoặc báo cáo bằng văn bản giấy theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này khi chưa kết nối được với hệ thống báo cáo bằng dữ liệu điện tử của Cục Phòng, chống rửa tiền.

2. Trường hợp khách hàng nộp ngoại tệ tiền mặt có giá trị lớn để mua đồng Việt Nam hoặc nộp tiền mặt bằng đồng Việt Nam có giá trị lớn để mua ngoại tệ tiền mặt thì chỉ báo cáo giao dịch nộp tiền mặt.

Điều 7. Chế độ báo cáo giao dịch đáng ngờ

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Cục Phòng, chống rửa tiền khi phát hiện giao dịch đáng ngờ liên quan đến: rửa tiền hoặc tội phạm khác liên quan đến rửa tiền; tài trợ khủng bố; tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền. Báo cáo bằng dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này hoặc báo cáo bằng văn bản giấy theo mẫu tương ứng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp không kết nối được với hệ thống báo cáo bằng dữ liệu điện tử của Cục Phòng, chống rửa tiền. Đối tượng báo cáo không sử dụng mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ quy định tại Phụ lục III Thông tư này để báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

2. Đối tượng báo cáo phải rà soát các dấu hiệu đáng ngờ quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền, pháp luật về phòng, chống khủng bố, phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các dấu hiệu khác liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do đối tượng báo cáo tự xác định trên cơ sở các nguồn thông tin, bao gồm cả nguồn thông tin do Cục Phòng, chống rửa tiền và cơ quan có thẩm quyền thông báo.

Việc báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền, pháp luật về phòng, chống khủng bố, phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt không phụ thuộc vào lượng tiền giao dịch của khách hàng, giao dịch đó đã hoàn thành hay chưa. Đối tượng báo cáo xem xét thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ khi không thể hoàn tất thủ tục nhận biết khách hàng và có nghi ngờ liên quan đến: rửa tiền hoặc tội phạm khác liên quan đến rửa tiền; tài trợ khủng bố; tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Cục Phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm xác nhận việc đã nhận được

báo cáo giao dịch đáng ngờ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu theo quy định; trao đổi với đối tượng báo cáo những vấn đề phát sinh (nếu có).

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán; cung cấp dịch vụ công chứng; cung cấp dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư phải xem xét, thu thập, phân tích thông tin để báo cáo giao dịch đáng ngờ khi kinh doanh dịch vụ kế toán; thực hiện thủ tục công chứng, thay mặt khách hàng chuẩn bị các điều kiện để thực hiện giao dịch hoặc thay mặt khách hàng thực hiện giao dịch chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản khác gắn liền với đất; quản lý tiền, chứng khoán hoặc tài sản khác của khách hàng; quản lý tài khoản của khách hàng tại ngân hàng, công ty chứng khoán; điều hành, quản lý công ty; tham gia vào hoạt động mua, bán doanh nghiệp thay mặt khách hàng.

Điều 8. Giao dịch chuyển tiền điện tử

1. Tổ chức tài chính tham gia vào giao dịch chuyển tiền điện tử bao gồm:

a) Tổ chức tài chính khởi tạo là tổ chức khởi tạo lệnh chuyển tiền điện tử và thực hiện chuyển tiền thay mặt cho người khởi tạo;

b) Tổ chức tài chính trung gian là tổ chức nhận và chuyển lệnh chuyển tiền điện tử thay mặt cho tổ chức tài chính khởi tạo và tổ chức tài chính thụ hưởng hoặc thay mặt cho tổ chức tài chính trung gian khác;

c) Tổ chức tài chính thụ hưởng là tổ chức nhận lệnh chuyển tiền điện tử trực tiếp từ tổ chức tài chính khởi tạo hoặc thông qua tổ chức tài chính trung gian và thực hiện chi trả cho người thụ hưởng.

2. Tổ chức tài chính trong nước là tổ chức tài chính khởi tạo trong giao dịch chuyển tiền điện tử chỉ được thực hiện giao dịch chuyển tiền điện tử khi lệnh chuyển tiền điện tử có đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý ngoại hối.

3. Tổ chức tài chính trong nước là tổ chức tài chính trung gian tham gia giao dịch chuyển tiền điện tử phải bảo đảm:

a) Có biện pháp để xác định các giao dịch chuyển tiền điện tử không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý ngoại hối;

b) Áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp bao gồm từ chối hoặc tạm dừng giao dịch hoặc áp dụng các biện pháp kiểm soát sau giao dịch hoặc xem xét, báo cáo giao dịch đáng ngờ đối với các giao dịch chuyển tiền điện tử không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý ngoại hối.

4. Tổ chức tài chính trong nước là tổ chức tài chính thụ hưởng trong giao dịch chuyển tiền điện tử phải bảo đảm:

a) Có biện pháp để xác định các giao dịch chuyển tiền điện tử không đầy đủ, không chính xác theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý ngoại hối;

b) Áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp bao gồm từ chối hoặc tạm dừng giao dịch hoặc áp dụng các biện pháp kiểm soát sau giao dịch hoặc xem xét, báo cáo giao dịch đáng ngờ đối với các giao dịch chuyển tiền điện tử không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý ngoại hối.

5. Các tổ chức tài chính tham gia vào giao dịch chuyển tiền điện tử bao gồm cả tổ chức tài chính khởi tạo, tổ chức tài chính trung gian, tổ chức tài chính thụ hưởng có trách nhiệm đảm bảo thông tin điện chuyển tiền duy trì trong suốt quá trình giao dịch bao gồm cả thông tin để xác định, phân biệt giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế, giao dịch chuyển tiền điện tử trong nước.

6. Đối với giao dịch có từ 02 người khởi tạo hoặc từ 02 người thụ hưởng trở lên, tổ chức tài chính khởi tạo, tổ chức tài chính thụ hưởng có trách nhiệm duy trì đầy đủ thông tin khách hàng trong giao dịch; tổ chức tài chính khởi tạo có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin người khởi tạo, người thụ hưởng trong giao dịch đó cho tổ chức tài chính thụ hưởng và cung cấp cho các tổ chức tài chính trung gian tham gia vào giao dịch khi được yêu cầu.

Điều 9. Chế độ báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm thu thập thông tin tại khoản 3 Điều này và báo cáo Cục Phòng, chống rửa tiền bằng dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này khi thực hiện giao dịch chuyển tiền điện tử trong các trường hợp sau đây:

a) Giao dịch chuyển tiền điện tử mà tất cả các tổ chức tài chính tham gia giao dịch chuyển tiền điện tử quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này cùng ở Việt Nam (sau đây gọi là giao dịch chuyển tiền điện tử trong nước) có giá trị giao dịch chuyển tiền điện tử từ 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng trở lên hoặc bằng ngoại tệ có giá trị tương đương;

b) Giao dịch chuyển tiền điện tử mà có ít nhất một trong các tổ chức tài chính tham gia giao dịch chuyển tiền điện tử quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này ở các quốc gia, vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam (sau đây gọi là giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế) có giá trị giao dịch chuyển tiền điện tử từ 1.000 (một nghìn) đô la Mỹ trở lên hoặc bằng ngoại tệ khác có giá trị tương đương.

2. Trường hợp đối tượng báo cáo là tổ chức tài chính trung gian trong giao dịch chuyển tiền điện tử không phải thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Nội dung báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử tối thiểu gồm các thông tin sau:

a) Thông tin về tổ chức tài chính khởi tạo và thụ hưởng bao gồm: tên giao dịch của tổ chức hoặc chi nhánh giao dịch; địa chỉ trụ sở chính (hoặc mã ngân hàng đối với giao dịch chuyển tiền điện tử trong nước, mã SWIFT đối với chuyển tiền điện tử quốc tế); quốc gia nhận và chuyển tiền;

b) Thông tin về khách hàng là cá nhân tham gia giao dịch chuyển tiền điện tử: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh; số Chứng minh nhân dân hoặc số Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; số thị thực nhập cảnh (nếu có); địa chỉ đăng ký thường trú hoặc nơi ở hiện tại khác (nếu có); quốc tịch (theo chứng từ giao dịch);

c) Thông tin về khách hàng là tổ chức tham gia giao dịch chuyển tiền điện tử: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt (nếu có); địa chỉ trụ sở chính; số giấy phép thành lập hoặc mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế; quốc gia nơi đặt trụ sở chính;

d) Thông tin về giao dịch: số tài khoản (nếu có); số tiền; loại tiền; số tiền được quy đổi sang đồng Việt Nam (nếu loại tiền giao dịch là ngoại tệ); lý do, mục đích giao dịch; ngày giao dịch; mã giao dịch hoặc số tham chiếu duy nhất trong trường hợp không có số tài khoản, số định danh của người khởi tạo do tổ chức tài chính khởi tạo hoặc tổ chức tài chính trung gian gửi đến đảm bảo truy xuất nguồn gốc của giao dịch;

đ) Thông tin khác theo yêu cầu của Cục Phòng, chống rửa tiền để phục vụ công tác quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền trong từng thời kỳ.

4. Các thông tin về ngày, tháng, năm sinh, số Chứng minh nhân dân hoặc số Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số Hộ chiếu, số thị thực nhập cảnh (nếu có) quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; số giấy phép thành lập hoặc mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này là không bắt buộc đối với:

a) Người thụ hưởng trong giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài;

b) Người khởi tạo trong giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế từ nước ngoài về Việt Nam.

5. Các giao dịch chuyển tiền điện tử không phải báo cáo bao gồm:

a) Giao dịch chuyển tiền bắt nguồn từ giao dịch sử dụng thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng hoặc thẻ trả trước để thanh toán tiền hàng hóa dịch vụ;

b) Giao dịch chuyển tiền và thanh toán giữa các tổ chức tài chính mà người khởi tạo và người thụ hưởng đều là các tổ chức tài chính thực hiện hoạt động nhân danh tổ chức mình.

Điều 10. Hình thức và thời hạn báo cáo dữ liệu điện tử

1. Hình thức báo cáo dữ liệu điện tử:

a) Đối tượng báo cáo thực hiện báo cáo dữ liệu điện tử đúng định dạng dữ liệu, cấu trúc file qua đường truyền, mạng truyền tin theo hướng dẫn của Cục Phòng, chống rửa tiền;

b) Đối tượng báo cáo được phép thực hiện chuyển tiền điện tử phải xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phù hợp phục vụ cho việc báo cáo bằng dữ liệu điện tử và phải có hệ thống phần mềm để quét, lọc theo danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách cá nhân có ảnh hưởng chính trị quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 3 và khoản 1 Điều 17 Luật Phòng, chống rửa tiền và giám sát giao dịch để phát hiện, cảnh báo dấu hiệu đáng ngờ phù hợp nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Thời hạn báo cáo dữ liệu điện tử: đối tượng báo cáo phải gửi báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo, báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử trước 16 giờ ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày phát sinh giao dịch. Nếu ngày gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì ngày gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần đó.

3. Chỉnh sửa, bổ sung báo cáo dữ liệu điện tử:

a) Khi đối tượng báo cáo phát hiện gửi thiếu báo cáo, đối tượng báo cáo phải có văn bản giải trình và gửi báo cáo bổ sung trong 01 ngày làm việc sau khi có văn bản xác nhận của Cục Phòng, chống rửa tiền. Khi đối tượng báo cáo phát hiện thông tin, dữ liệu báo cáo đã gửi cho Cục Phòng, chống rửa tiền có sai sót, đối tượng báo cáo phải có văn bản hoặc thư điện tử giải trình, chỉnh sửa và gửi lại báo cáo trong 01 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện;

b) Khi đối tượng báo cáo nhận được thông báo của Cục Phòng, chống rửa tiền về việc thiếu hoặc sai sót của báo cáo, đối tượng báo cáo phải có văn bản hoặc thư điện tử giải trình, bổ sung hoặc chỉnh sửa và gửi lại báo cáo chậm nhất trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo;

c) Khi đối tượng báo cáo nhận được thông báo của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về việc rà soát, bổ sung báo cáo, đối tượng báo cáo phải thông báo cho Cục Phòng, chống rửa tiền và có văn bản giải trình, gửi báo cáo chỉnh sửa, bổ sung sau khi có văn bản xác nhận của Cục Phòng, chống rửa tiền.

4. Đối tượng báo cáo phải đăng ký bằng văn bản với Cục Phòng, chống rửa tiền về người phụ trách báo cáo bằng dữ liệu điện tử, bao gồm các thông tin: họ tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và phải thông báo bằng văn bản khi có sự thay đổi thông tin về người phụ trách báo cáo này.

Điều 11. Mức giá trị của ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, kim khí quý, đá quý, công cụ chuyển nhượng phải khai báo hải quan cửa

khẩu khi cá nhân xuất cảnh, nhập cảnh và giấy tờ xuất trình cho hải quan cửa khẩu khi cá nhân xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, kim khí quý, đá quý phải khai báo hải quan

1. Mức giá trị của kim khí quý (trừ vàng), đá quý: 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, trong đó:

a) Kim khí quý (trừ vàng) gồm: bạc, bạch kim, đồ mỹ nghệ và đồ trang sức bằng bạc, bạch kim; các loại hợp kim có bạc, bạch kim;

b) Đá quý gồm: kim cương, ruby, saphia và ê-mơ-rôt.

2. Mức giá trị các công cụ chuyên nhượng: 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

3. Mức giá trị của ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt và vàng phải khai báo hải quan cửa khẩu khi xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt và vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh.

4. Giấy tờ xuất trình cho hải quan cửa khẩu khi cá nhân xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, kim khí quý, đá quý phải khai báo hải quan:

a) Trường hợp cá nhân xuất cảnh mang theo kim khí quý (trừ vàng), đá quý:

(i) Hóa đơn của doanh nghiệp, tổ chức được phép kinh doanh, mua bán kim khí quý (trừ vàng), đá quý; các giấy tờ khác chứng minh nguồn gốc hợp pháp của kim khí quý (trừ vàng), đá quý trong trường hợp không có hóa đơn của doanh nghiệp, tổ chức được phép kinh doanh mua bán kim khí quý (trừ vàng), đá quý;

(ii) Các giấy tờ xuất trình cho hải quan cửa khẩu phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật.

(iii) Nếu hóa đơn, giấy tờ chứng minh nguồn gốc bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt chứng thực theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp cá nhân xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, vàng với mức giá trị phải khai báo hải quan cửa khẩu thì giấy tờ liên quan xuất trình cho hải quan được thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt và vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Phòng, chống rửa tiền, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, đối tượng báo cáo là tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Các đối tượng báo cáo tiếp tục thực hiện quy định về quy định nội bộ, quy trình quản lý rủi ro theo quy định hiện hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, các đối tượng báo cáo có trách nhiệm hoàn thành việc điều chỉnh, cập nhật quy định nội bộ, quy trình quản lý rủi ro, để bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định tại Thông tư này.

3. Quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. Thông tư số 09/2023/TT-NHNN ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc NHNN;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VT, PCRT1 (05 bản).

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Phạm Tiến Dũng

DANH MỤC PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~22~~ **27**/2025/TT-NHNN ngày ~~15~~ **15** tháng ~~9~~ **9** năm 2025 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền)

Số phụ lục	Tên phụ lục
Phụ lục I	Mẫu kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền
Phụ lục II	Mẫu báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo
Phụ lục III	Các mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ
Mẫu số 01/Phụ lục III	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam
Mẫu số 02/Phụ lục III	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 03/Phụ lục III	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ
Mẫu số 04/Phụ lục III	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh chứng khoán
Mẫu số 05/Phụ lục III	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh bất động sản
Mẫu số 06/Phụ lục III	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh trò chơi có thưởng, bao gồm: trò chơi điện tử có thưởng; trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet; casino; xổ số; đặt cược
Mẫu số 07/Phụ lục III	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức/cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan (trừ các tổ chức kinh doanh bất động sản, trò chơi có thưởng) và tổ chức khác

Phụ lục I

MẪU KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO VỀ RỬA TIỀN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-NHNN ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

A. ÁP DỤNG CHO TỔ CHỨC TÀI CHÍNH

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO VỀ RỬA TIỀN
NĂM

Tên đầy đủ của Đối tượng báo cáo:

Tên viết tắt:

Địa chỉ: Số nhà, đường/phố: Phường/Xã: Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:

Fax:

I. Kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền

1. Đánh giá tiêu chí nguy cơ rửa tiền

Đối tượng báo cáo tự xác định trọng số từng tiêu chí dựa trên quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động

Điểm số của từng tiêu chí tại được xác định theo thang điểm từ 1 đến 5 theo nguyên tắc điểm số có giá trị càng nhỏ thì nguy cơ rửa tiền càng thấp

1.1. Nguy cơ rửa tiền từ môi trường kinh doanh của đối tượng báo cáo

a. Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ ngành, lĩnh vực theo kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền

- Nguy cơ rửa tiền:

- Điểm số nguy cơ rửa tiền:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....
.....
.....

b. Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ quốc gia, vùng lãnh thổ mà đối tượng báo cáo hoạt động theo kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền

- Nguy cơ rửa tiền:

- Điểm số nguy cơ rửa tiền:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

.....

.....

c. Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ môi trường kinh doanh do đối tượng báo cáo tự xác định (nếu có)

- Nguy cơ rửa tiền:

- Điểm số nguy cơ rửa tiền:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

.....

.....

1.2. Nguy cơ rửa tiền từ hoạt động kinh doanh của đối tượng báo cáo

a. Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ khách hàng

- Nguy cơ rửa tiền:

- Điểm số nguy cơ rửa tiền:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

.....

.....

b. Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng

- nguy cơ rửa tiền:

- Điểm số nguy cơ rửa tiền:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

.....

.....

c. Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ cách thức phân phối sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng

- Nguy cơ rửa tiền:

- Điểm số nguy cơ rửa tiền:

- Xác định trọng số:

.....

.....

.....

- Phân tích chi tiết:

.....

.....

.....

1.3. Tổng hợp kết quả đánh giá tiêu chí nguy cơ rửa tiền

STT (1)	Tiêu chí (2)	Trọng số % (3)	Chấm điểm (4)	Điểm số của nguy cơ rửa tiền (5)
1.	Nguy cơ rửa tiền từ môi trường kinh doanh của đối tượng báo cáo			
1.1.	Nguy cơ rửa tiền từ ngành, lĩnh vực			
1.2.	Nguy cơ rửa tiền từ quốc gia mà đối tượng báo cáo hoạt động			
1.3.	Nguy cơ rửa tiền từ môi trường kinh doanh do đối tượng báo cáo tự xác định (nếu có)			
2.	Nguy cơ rửa tiền từ hoạt động kinh doanh của đối tượng báo cáo			

2.1.	Nguy cơ rửa tiền từ khách hàng			
2.2.	Nguy cơ rửa tiền từ sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng			
2.3.	Nguy cơ rửa tiền từ cách thức phân phối sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng			
	TỔNG ĐIỂM RỦI RO NGUY CƠ RỬA TIỀN			A

Như vậy, nguy cơ rửa tiền của đối tượng báo cáo ở mức: **Cao/Trung bình cao/Trung bình/Trung bình thấp/Thấp**

THẤP nếu $A \leq 1$;

TRUNG BÌNH THẤP nếu $1 < A \leq 2$;

TRUNG BÌNH nếu $2 < A \leq 3$

TRUNG BÌNH CAO nếu $3 < A \leq 4$

CAO nếu $4 < A \leq 5$

2. Đánh giá mức độ phù hợp chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo

Đối tượng báo cáo tự xác định trọng số từng tiêu chí dựa trên quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động.

Điểm số của từng tiêu chí tại mục này được xác định theo thang điểm từ 1 đến 5 theo nguyên tắc điểm số có giá trị càng nhỏ thì mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền càng cao.

2.1. Đánh giá tính toàn diện của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

a. Đánh giá tính đầy đủ của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

- Mức độ đầy đủ của chính sách, quy định nội bộ PCRT:

- Điểm số mức độ đầy đủ của chính sách, quy định nội bộ PCRT

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

b. Mức độ phù hợp với quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền

- Mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ PCRT:

- Điểm số mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ PCRT

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

c. Mức độ phù hợp với mức độ rủi ro về rửa tiền

- Mức độ phù hợp với mức độ rủi ro về rửa tiền

- Điểm số mức độ phù hợp với mức độ rủi ro về rửa tiền

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

d. Việc định kỳ đánh giá lại chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

- Việc định kỳ đánh giá lại chính sách, quy định nội bộ PCRT:

- Điểm số việc định kỳ đánh giá lại chính sách, quy định nội bộ PCRT:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

2.2. Tính hiệu quả của việc thực hiện chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

a. Hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền

- Mức độ hiệu quả thực hiện các biện pháp PCRT:

- Điểm số mức độ hiệu quả thực hiện các biện pháp PCRT:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

b. Mức độ hiểu biết, tuân thủ các nguyên tắc, chuẩn mực nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên có trách nhiệm liên quan đến phòng, chống rửa tiền

- Mức độ hiểu biết, tuân thủ các nguyên tắc, chuẩn mực nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên có trách nhiệm liên quan đến PCRT

- Điểm số rủi ro rửa tiền:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

c. Mức độ hiệu quả quản lý công tác phòng, chống rửa tiền

- Mức độ hiệu quả quản lý công tác PCRT:

- Điểm số rủi ro rửa tiền:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

2.3. Tổng hợp kết quả đánh giá mức độ phù hợp chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền (PCRT) tại đối tượng báo cáo

STT	Tiêu chí	Trọng số (%)	Chấm điểm	Điểm số mức độ phù hợp của chính sách PCRT
1.	Tính toàn diện của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền			
1.1.	Tính đầy đủ của chính sách,			

	quy định nội bộ			
1.2.	Mức độ phù hợp với quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền			
1.3.	Mức độ phù hợp với mức độ rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo			
1.4.	Việc định kỳ đánh giá lại chính sách, quy định nội bộ			
2.	Tính hiệu quả của việc thực hiện chính sách, quy định nội bộ			
2.1.	Hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền			
2.2.	Mức độ hiểu biết, tuân thủ các nguyên tắc, chuẩn mực nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên có trách nhiệm liên quan đến phòng, chống rửa tiền			
2.3.	Mức độ hiệu quả quản lý công tác phòng, chống rửa tiền			
	TỔNG ĐIỂM MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH NỘI BỘ VỀ PCRT TẠI ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO			B

Như vậy, mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về PCRT tại đối tượng báo cáo ở mức: **Cao/Trung bình cao/Trung bình/Trung bình thấp/Thấp**

CAO nếu $B \leq 1$;

TRUNG BÌNH CAO nếu $1 < B \leq 2$;

TRUNG BÌNH nếu $2 < B \leq 3$

TRUNG BÌNH THẤP nếu $3 < B \leq 4$

THẤP nếu $4 < B \leq 5$

3. Tổng hợp điểm số rủi ro rửa tiền

Tiêu chí	Điểm số
Điểm số nguy cơ rửa tiền	A
Điểm số mức độ phù hợp chính sách, quy định	B
ĐIỂM RỦI RO RỬA TIỀN	$(A+B)/2$
MỨC ĐỘ RỦI RO RỬA TIỀN	THẤP nếu $C \leq 1$; TRUNG BÌNH THẤP nếu $1 < C \leq 2$;

	TRUNG BÌNH nếu $2 < C \leq 3$ TRUNG BÌNH CAO nếu $3 < C \leq 4$ CAO nếu $4 < C \leq 5$
--	--

II. KẾ HOẠCH SAU ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Các biện pháp quản lý và giám sát rủi ro rửa tiền được đối tượng báo cáo đã và sẽ áp dụng (nội dung này đối tượng báo cáo chủ động thiết lập thực hiện dựa trên kết quả đánh giá, đo lường rủi ro về rửa tiền hàng năm và các quy định pháp luật phòng, chống rửa tiền có liên quan).

.....

Ngày.....thángnăm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

B. ÁP DỤNG CHO CÁC TỔ CHỨC KINH DOANH NGÀNH, NGHỀ PHI TÀI CHÍNH CÓ LIÊN QUAN

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO VỀ RỬA TIỀN NĂM

Tên đầy đủ của đối tượng báo cáo:

Lĩnh vực hoạt động:

Tên viết tắt:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

I. Kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền

1. Đánh giá tiêu chí nguy cơ rửa tiền

Đối tượng báo cáo tự xác định trọng số từng tiêu chí dựa trên quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động

Điểm số của từng tiêu chí tại được xác định theo thang điểm từ 1 đến 5 theo nguyên tắc điểm số có giá trị càng nhỏ thì nguy cơ rửa tiền càng thấp

1.1. Nguy cơ rửa tiền từ ngành, lĩnh vực và quốc gia, vùng lãnh thổ mà đối tượng báo cáo hoạt động

a. Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ ngành, lĩnh vực theo kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền

- Nguy cơ rửa tiền:

- Điểm số nguy cơ rửa tiền:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

.....

.....

b. Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ quốc gia, vùng lãnh thổ mà đối tượng báo cáo hoạt động theo kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền

- Nguy cơ rửa tiền:

- Điểm số nguy cơ rửa tiền:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

.....

.....

1.2. Nguy cơ rửa tiền từ khách hàng/sản phẩm dịch vụ/cách thức phân phối sản phẩm dịch vụ

a. Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ khách hàng

- Nguy cơ rửa tiền:

- Điểm số nguy cơ rửa tiền:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

.....

.....

b. Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ sản phẩm/dịch vụ cung cấp cho khách hàng

- Nguy cơ rửa tiền:

- Điểm số nguy cơ rửa tiền:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

.....

.....

c. Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ cách thức phân phối sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng

- Nguy cơ rửa tiền:

- Điểm số nguy cơ rửa tiền:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

.....

.....

1.6. Tổng hợp kết quả đánh giá tiêu chí nguy cơ rửa tiền

STT (1)	Tiêu chí (2)	Trọng số % (3)	Chấm điểm (4)	Điểm số của nguy cơ rửa tiền (5)
1.1.	Nguy cơ rửa tiền từ ngành, lĩnh vực và quốc gia, vùng lãnh thổ mà đối tượng báo cáo hoạt động			
a.	Nguy cơ rửa tiền từ ngành, lĩnh vực theo kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền			
b.	Nguy cơ rửa tiền từ quốc gia, vùng lãnh thổ mà đối tượng báo cáo hoạt động theo kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền			
1.2.	Nguy cơ rửa tiền từ khách hàng/sản phẩm dịch vụ/cách thức phân phối			
a.	Nguy cơ rửa tiền từ khách hàng			
b.	Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ sản phẩm/dịch vụ cung cấp cho khách hàng			
c.	Đánh giá nguy cơ rửa tiền từ cách thức phân phối sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng			
	TỔNG ĐIỂM RỦI RO NGUY CƠ RỬA TIỀN			A

Nguy cơ rửa tiền của đối tượng báo cáo ở mức: **Cao/Trung bình cao/Trung bình/Trung bình thấp/Thấp**

THẤP nếu $A \leq 1$;

TRUNG BÌNH THẤP nếu $1 < A \leq 2$;

TRUNG BÌNH nếu $2 < A \leq 3$

TRUNG BÌNH CAO nếu $3 < A \leq 4$

CAO nếu $4 < A \leq 5$

2. Đánh giá mức độ phù hợp chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo

2.1. Đánh giá tính toàn diện của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

- Mức độ toàn diện của chính sách, quy định nội bộ PCRT:

- Điểm số mức độ toàn diện của chính sách, quy định nội bộ PCRT:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

.....

.....

2.2. Tính hiệu quả của việc thực hiện chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

- Mức độ hiệu quả thực hiện chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền:

- Điểm số tính hiệu quả thực hiện chính sách, quy định nội bộ về PCRT:

- Xác định trọng số:

- Phân tích chi tiết:

.....

.....

.....

2.3. Tổng hợp kết quả đánh giá mức độ phù hợp chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền (PCRT) tại đối tượng báo cáo

STT	Tiêu chí	Trọng số (%)	Chấm điểm	Điểm số mức độ phù hợp của chính sách PCRT
1.	Tính toàn diện của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền			
2.	Tính hiệu quả của việc thực hiện chính sách, quy định nội bộ			
	TỔNG ĐIỂM MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA CHÍNH			B

	SÁCH, QUY ĐỊNH NỘI BỘ VỀ PCRT TẠI ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO			
--	--	--	--	--

Như vậy, mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về PCRT tại đối tượng báo cáo ở mức: **Cao/Trung bình cao/Trung bình/Trung bình thấp/Thấp**

CAO nếu $B \leq 1$;

TRUNG BÌNH CAO nếu $1 < B \leq 2$;

TRUNG BÌNH nếu $2 < B \leq 3$

TRUNG BÌNH THẤP nếu $3 < B \leq 4$

THẤP nếu $4 < B \leq 5$

3. Tổng hợp điểm số rủi ro rửa tiền

Tiêu chí	Điểm số
Điểm số nguy cơ rửa tiền	A
Điểm số mức độ phù hợp chính sách, quy định	B
ĐIỂM RỦI RO RỬA TIỀN	$(A+B)/2$
MỨC ĐỘ RỦI RO RỬA TIỀN	THẤP nếu $C \leq 1$; TRUNG BÌNH THẤP nếu $1 < C \leq 2$; TRUNG BÌNH nếu $2 < C \leq 3$ TRUNG BÌNH CAO nếu $3 < C \leq 4$ CAO nếu $4 < C \leq 5$

II. KẾ HOẠCH SAU ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Các biện pháp quản lý và giám sát rủi ro rửa tiền được đối tượng báo cáo đã và sẽ áp dụng (nội dung này đối tượng báo cáo chủ động thiết lập thực hiện dựa trên kết quả đánh giá, đo lường rủi ro về rửa tiền hàng năm và các quy định pháp luật phòng, chống rửa tiền có liên quan).

.....

Ngày.....thángnăm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Phụ lục II
MẪU BÁO CÁO GIAO DỊCH CÓ GIÁ TRỊ LỚN PHẢI BÁO CÁO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-NHNN ngày 15 tháng 9 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tên đối tượng báo cáo:

Địa chỉ: _____; Số điện thoại: _____

Ngày thực hiện giao dịch: dd/mm/yyyy

STT	Loại giao dịch	Tên khách hàng	Địa chỉ	Quốc gia/Quốc tịch	Ngày, tháng, năm sinh	Giấy tờ nhận dạng khách hàng		Loại hàng hóa, dịch vụ	Số lượng và đơn vị tính	Số tiền giao dịch	Loại tiền giao dịch	Số tiền được quy đổi sang VND	Số tài khoản	Địa điểm phát sinh giao dịch	Lý do/Mục đích giao dịch	Mã giao dịch	Ghi chú
						Cá nhân	Tổ chức										
						Số CMND/CCCD/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu	Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế/Số giấy phép thành lập										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1																	
2																	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP ⁽¹⁸⁾
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn:

(1) Ký hiệu loại giao dịch

C. Khách hàng thực hiện giao dịch nộp/gửi tiền mặt vào tài khoản hoặc sử dụng tiền mặt thực hiện giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ do đối tượng báo cáo cung cấp hoặc giao dịch bằng tiền mặt của khách hàng trong các hợp đồng kinh tế do đối tượng báo cáo công chứng, hỗ trợ chuẩn bị hoặc thay mặt khách hàng thực hiện

D. Khách hàng thực hiện giao dịch rút tiền mặt từ tài khoản hoặc nhận tiền mặt từ đối tượng báo cáo;

- (2) Họ và tên (đối với khách hàng là cá nhân), tên đầy đủ và tên viết tắt (nếu có) (đối với khách hàng là tổ chức).
- (3) Địa chỉ thường trú đối với khách hàng cá nhân thực hiện giao dịch, địa chỉ trụ sở chính đối với khách hàng tổ chức thực hiện giao dịch;
- (4) Quốc gia/Quốc tịch của khách hàng thực hiện giao dịch (02 ký tự theo chuẩn ISO-3166).
- (5) Ngày, tháng, năm sinh của khách hàng là cá nhân thực hiện giao dịch,
- (6) Số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu đối với khách hàng là cá nhân thực hiện giao dịch,
- (7) Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế hoặc số giấy phép thành lập hoặc quyết định thành lập đối với khách hàng là tổ chức thực hiện giao dịch,
- (8) Loại hàng hóa, dịch vụ do đối tượng báo cáo cung cấp cho khách hàng (Ví dụ: Căn hộ, Thửa đất, Vàng miếng, Vàng trang sức, ...) mà khách hàng sử dụng tiền mặt để mua hàng hóa, dịch vụ đó,
- (9) Số lượng và đơn vị tính của hàng hóa, dịch vụ do đối tượng báo cáo cung cấp cho khách hàng (Ví dụ: 100m², 10 gram, 05 vé số, đồng tiền quy ước trong hoạt động trò chơi có thưởng,...) mà khách hàng sử dụng tiền mặt để mua hàng hóa, dịch vụ đó;
- (10) Số tiền thực hiện giao dịch;
- (11) Ký hiệu loại tiền thực hiện giao dịch (03 ký tự theo chuẩn ISO-4217);
- (12) Nếu là ngoại tệ thì quy đổi về đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán mua và tỷ giá hạch toán bán của đối tượng báo cáo;
- (13) Số tài khoản của khách hàng khi thực hiện giao dịch;
- (14) Ghi rõ địa điểm thực hiện giao dịch của khách hàng với đối tượng báo cáo;
- (15) Nêu rõ lý do, mục đích khách hàng thực hiện giao dịch đối với giao dịch sử dụng tiền mặt để mua hàng hóa, dịch vụ do đối tượng báo cáo cung cấp; đối với giao dịch nộp/gửi tiền mặt vào tài khoản, giao dịch rút tiền mặt từ tài khoản, nhận tiền mặt từ đối tượng báo cáo thì ghi nội dung giao dịch;
- (16) Mã số thực hiện giao dịch (nếu có), trường hợp là các hợp đồng, thỏa thuận pháp lý giữa cá nhân, tổ chức thì ghi số hợp đồng, số thỏa thuận pháp lý đó;
- (17) Thông tin bổ sung cho quốc tịch, số giấy tờ nhận dạng khác (nếu có), thông

tin khác (nếu có);

(18) Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc người được ủy quyền đối với đối tượng báo cáo là tổ chức; Cá nhân hoặc người được cá nhân ủy quyền đối với đối tượng báo cáo là cá nhân

Lưu ý:

- Báo cáo từng giao dịch của khách hàng có tổng giá trị giao dịch (theo từng loại ký hiệu giao dịch C hoặc D nêu trên) trong một ngày bằng hoặc vượt mức quy định,
- Trường hợp khách hàng nộp ngoại tệ tiền mặt có giá trị lớn để mua đồng Việt Nam hoặc nộp tiền mặt bằng đồng Việt Nam có giá trị lớn để mua ngoại tệ tiền mặt thì chỉ báo cáo giao dịch nộp tiền mặt,
- Ghi đầy đủ, chi tiết từng cột. Nếu không có thông tin, ghi “Không”.

Phụ lục III

CÁC MẪU BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-NHNN ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Mẫu số 01

Áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ Ngày tháng năm.....		Số báo cáo: abcd/yyyy
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẤU * (Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?*		
☐ Không	☐ Có bổ sung cho Báo cáo số ngày	
	☐ Có thay thế cho Báo cáo số ngày	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Mã đối tượng báo cáo:		
c. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Điện thoại:		
đ. Tên điểm phát sinh giao dịch hoặc đơn vị quản lý tài khoản:		
e. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch hoặc địa chỉ đơn vị quản lý tài khoản:		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị:		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Chức vụ:		
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	

d. Bộ phận công tác:				
Phần II		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch				
☐ Khách hàng có tài khoản tại tổ chức tín dụng ☐ Khác (các trường hợp tổ chức tín dụng chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ)				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi		☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi		☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi			☐ Từ 50 tuổi trở lên	
d. Giới tính*:				
☐ Nam		☐ Nữ		☐ Khác
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam		☐ Nước ngoài: (tên quốc gia)		☐ Không quốc tịch
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức		☐ Học sinh/sinh viên		☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ
☐ Nội trợ		☐ Tiểu thương		☐ Kỹ sư
☐ Công nhân		☐ Nông dân		☐ Hưu trí
☐ Lao động tự do		☐ Nhân viên văn phòng		☐ Khác
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:

☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
m. Danh sách các số tài khoản*:				
Số tài khoản:	Ngân hàng mở tài khoản:	Loại tiền:	Loại tài khoản:	Ngày mở tài khoản:
				Tình trạng tài khoản ☐ Còn hoạt động ☐ Không hoạt động/ngủ đông ☐ Đã đóng ☐ Đang bị phong tỏa
n. Thông tin khác bổ sung của cá nhân:				
- Trình độ văn hóa:				
- Thư điện tử (email):				
o. Thông tin về người được ủy quyền sử dụng tài khoản (nếu có):				
o1. Họ và tên:				
o2. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch				
☐ Khách hàng có tài khoản tại tổ chức tín dụng ☐ Khác (các trường hợp tổ chức tín dụng chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ)				
2.1. Thông tin về tổ chức				
a. Tên đầy đủ của tổ chức*:				

b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):					
c. Tên viết tắt (nếu có):					
d. Địa chỉ*:					
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
đ. Giấy phép thành lập số:		Ngày cấp:		Nơi cấp:	
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế*:		Ngày cấp:		Quốc gia cấp:	
g. Loại hình tổ chức*:					
☐ Công ty TNHH Một thành viên ☐ Công ty TNHH Hai thành viên trở lên ☐ Công ty cổ phần ☐ Công ty hợp danh ☐ Doanh nghiệp tư nhân ☐ Tổ chức phi lợi nhuận ☐ Khác (mô tả rõ)					
h. Ngành nghề kinh doanh chính:					
i. Số điện thoại liên lạc*:					
k. Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (tổ chức):					
l. Danh sách các số tài khoản*:					
Số tài khoản:	Ngân hàng mở tài khoản:	Loại tiền:	Loại tài khoản:	Ngày mở tài khoản:	Tình trạng tài khoản ☐ Còn hoạt động ☐ Không hoạt động/ngủ đông ☐ Đã đóng ☐ Đang bị phong tỏa
2.2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức					
a. Họ và tên*:					
b. Ngày, tháng, năm sinh*:					
c. Quốc tịch*:					
☐ Việt Nam		☐ Nước ngoài:..... (tên quốc gia) ☐ Không quốc tịch			
d. Nghề nghiệp:					
đ. Chức vụ/vị trí việc làm:					

e. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
g. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
h. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
i. Số điện thoại liên lạc:				
2.3. Thông tin về người được ủy quyền sử dụng tài khoản của chủ tài khoản là tổ chức				
a. Họ và tên*:				
b. Quan hệ với chủ tài khoản:				
c. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi*				
3.1. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của cá nhân thực hiện giao dịch				

Danh sách cá nhân thực hiện giao dịch	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi		
	Trùng với cá nhân thực hiện giao dịch (đánh dấu x)	Trùng với cá nhân đã được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3	Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3)
Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân		Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân...

3.2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức thực hiện giao dịch

Danh sách tổ chức thực hiện giao dịch	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi	
	Trùng với cá nhân đã được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3	Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3)
Tên đầy đủ của tổ chức; Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân...

Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3:

a. Họ và tên*:

b. Ngày, tháng, năm sinh*:

c. Độ tuổi:

☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi	☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	☐ Từ 50 tuổi trở lên	

d. Giới tính*:

☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác
------------------------------	-----------------------------	-------------------------------

đ. Quốc tịch*:

☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài:..... (tên quốc gia)	☐ Không quốc tịch
-----------------------------------	--	--

e. Nghề nghiệp*:

☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ
☐ Nội trợ	☐ Tiểu thương	☐ Kỹ sư
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Hưu trí
☐ Lao động tự do	☐ Nhân viên văn phòng	☐ Khác

g. Chức vụ/vị trí việc làm:

h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:

Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
------------	-----------------	-----------

i. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc:				
4. Thông tin khác bổ sung				
Phần III		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi		☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi	
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi			☐ Từ 50 tuổi trở lên	
d. Giới tính:				
☐ Nam	☐ Nữ		☐ Khác	
đ. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia)		☐ Không quốc tịch	
e. Nghề nghiệp:				
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên		☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ	
☐ Nội trợ	☐ Tiểu thương		☐ Kỹ sư	

☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Hưu trí
☐ Lao động tự do	☐ Nhân viên văn phòng	☐ Khác.....
g. Địa chỉ đăng ký thường trú:		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
h. Nơi ở hiện tại:		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
i. Thông tin định danh cá nhân:		
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân: ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:
		Cơ quan có thẩm quyền cấp:
		Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:		
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:
		Cơ quan có thẩm quyền cấp:
		Nơi cấp:
k. Số điện thoại liên lạc:		
l. Danh sách các số tài khoản:		
Số tài khoản:	Ngân hàng mở tài khoản:	Loại tiền:
		Loại tài khoản:
		Ngày mở tài khoản:
		Tình trạng tài khoản
		☐ Còn hoạt động
		☐ Không hoạt động/ngủ đông
		☐ Đã đóng
		☐ Đang bị phong tỏa
2. Thông tin về tổ chức có liên quan đến giao dịch		
a. Tên đầy đủ của tổ chức:		
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):		
c. Tên viết tắt (nếu có):		
d. Địa chỉ:		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
e. Giấy phép thành lập số:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
g. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:	Ngày cấp:	Quốc gia cấp:
h. Ngành nghề kinh doanh chính:		

i. Số điện thoại liên lạc:					
k. Danh sách các số tài khoản:					
Số tài khoản:	Ngân hàng mở tài khoản:	Loại tiền:	Loại tài khoản:	Ngày mở tài khoản:	Tình trạng tài khoản ☐ Còn hoạt động ☐ Không hoạt động/ngủ đông ☐ Đã đóng ☐ Đang bị phong tỏa
3. Thông tin khác bổ sung					
Phần IV		THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ			
1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*					
☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền ☐ b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền ☐ b1) Dấu hiệu đáng ngờ theo khoản nào của các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 và 33 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoảnĐiều Luật Phòng, chống rửa tiền ☐ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định ☐ c) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ khủng bố khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác về tài trợ khủng bố do đối tượng báo cáo tự xác định ☐ d) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do đối tượng báo cáo tự xác định					
2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ*					
2.1. Trạng thái của giao dịch đáng ngờ					
☐ a) Giao dịch đã được thực hiện ☐ b) Giao dịch chưa được thực hiện					
2.2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ (trong trường hợp giao dịch đã được thực hiện)					
a) Thời gian giao dịch: từ ngày.... đến ngày....					
b) Tổng số tiền giao dịch nguyên tệ: (đơn vị tiền tệ)					
c) Tổng số tiền giao dịch quy đổi ra VND:(VND)					
d) Mô tả bằng dòng tiền:					
- Dòng tiền vào trên các tài khoản phát sinh giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ (chỉ liệt kê các giao dịch ghi có trên tài khoản là giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ) (khai báo theo từng tài khoản)					

Tài khoản số...; Tên chủ tài khoản...; Tại ngân hàng...

Tên cá nhân/tổ chức đối ứng	Số CMTND/ CCCD/ Hộ chiếu/ định danh cá nhân áp dụng cho trường hợp nộp tiền mặt	Số tài khoản áp dụng cho trường hợp chuyển khoản	Tên ngân hàng chuyển tiền	Loại tiền	Tổng số tiền (nguyên tệ)	Tổng số tiền (quy đổi VND)	Tổng số lượng giao dịch	Khoảng thời gian giao dịch	Tóm tắt nội dung giao dịch
					Tổng	Tổng	Tổng		

- Dòng tiền ra trên các tài khoản phát sinh giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ (chỉ liệt kê các giao dịch ghi nợ trên tài khoản là giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ) (khai báo theo từng tài khoản)

Tài khoản số...; Tên chủ tài khoản...; Tại ngân hàng...

Tên cá nhân/tổ chức đối ứng	Số CMTND/ CCCD/ Hộ chiếu/ định danh cá nhân áp dụng cho trường hợp rút tiền mặt	Số tài khoản áp dụng cho trường hợp chuyển khoản	Tên ngân hàng nhận tiền	Loại tiền	Tổng số tiền (nguyên tệ)	Tổng số tiền (quy đổi VND)	Tổng số lượng giao dịch	Khoảng thời gian giao dịch	Tóm tắt nội dung giao dịch
					Tổng	Tổng	Tổng		

3. Mô tả, phân tích chi tiết lý do báo cáo giao dịch đáng ngờ theo dấu hiệu nêu tại mục 1 và mục 2 nêu trên*

.....

4. Cơ sở hợp lý để nghi ngờ*:

a) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:

- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:

b) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

c) Hoặc căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố:

d) Hoặc căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt:

5. Nhận định về loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ*

(i) *Tội khủng bố/Tội tài trợ khủng bố*

(ii) *Tội rửa tiền*

(iii) *Tội phạm nguồn của tội rửa tiền (có thể chọn nhiều)*

STT	Tội phạm nguồn của tội rửa tiền
1	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
2	Tội mua bán trái phép chất ma túy
3	Tội tham ô tài sản
4	Tội nhận hối lộ
5	Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản
6	Tội trốn thuế
7	Tội mua bán người
8	Tội buôn lậu
9	Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới
10	Tội đánh bạc
11	Tội tổ chức đánh bạc
12	Tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia
13	Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
14	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán
15	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán
16	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán
17	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội thao túng thị trường chứng khoán
18	Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự
19	Tội sản xuất, buôn bán hàng giả
20	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp tài sản
21	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp giật tài sản,
22	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội trộm cắp tài sản

23	Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản
24	Tội sản xuất, buôn bán vận chuyển hàng cấm
25	Nhóm tội làm tiền giả và công cụ chuyển nhượng giả
26	Tội cướp biển
27	Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã
28	Khác... (điền thông tin là tội phạm theo điều khoản được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành)

6. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V	NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ, ví dụ: - Từ chối thực hiện giao dịch; - Tạm khóa tài khoản; - Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử - Chấm dứt thiết lập giao dịch với khách hàng; - Giám sát sau giao dịch; - Đưa vào hệ thống cảnh báo của đối tượng báo cáo; - Đã có công văn của đối tượng báo cáo gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận); - Đã có công văn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu đối tượng báo cáo cung cấp thông tin, tài liệu (số công văn, ngày công văn, đơn vị phát hành công văn) và công văn của đối tượng báo cáo cung cấp thông tin phản hồi (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận); - Công việc khác	
Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Hồ sơ mở tài khoản của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch (nếu mở tài khoản tại đối tượng báo cáo); - Bảng kê chi tiết tất cả các giao dịch trên tài khoản (bao gồm thông tin về bên đối ứng của giao dịch) từ ngày... đến ngày... (trước ngày phát sinh giao dịch đáng ngờ ít nhất 6 tháng đến ngày báo cáo giao dịch đáng ngờ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và cá nhân/tổ chức liên quan đến giao dịch) (nếu mở tài khoản tại đối tượng báo cáo). Định dạng dữ liệu điện tử của Bảng kê chi tiết giao dịch theo hướng dẫn của Cục Phòng, chống rửa tiền tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này; - Minh họa bằng sơ đồ dòng tiền (bắt buộc trong trường hợp giao dịch đã được thực hiện). - Minh họa bằng sơ đồ mối quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức được nêu trong báo cáo (nếu	

có).

- Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo;

- Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ (bản sao điện chuyển tiền, giấy rút tiền, nộp tiền, phiếu chuyển khoản...) được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO* **NGƯỜI KIỂM SOÁT*** **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP***
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống. **Số báo cáo:** theo định dạng abcd/yyyy. Trong đó: abcd là số thứ tự trong năm tài chính; yyyy là năm tài chính (VD: 0010/2023).

Phần I:

(1b): Mã đối tượng báo cáo: được quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21 tháng 10 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung).

(1đ): Đối tượng báo cáo điền thông tin về tên điểm phát sinh giao dịch trong trường hợp khách hàng thực hiện trực tiếp hoặc đơn vị quản lý tài khoản trong trường hợp khách hàng thực hiện giao dịch trực tuyến. Trường hợp có nhiều điểm phát sinh giao dịch thì điền thông tin của điểm phát sinh giao dịch đáng ngờ gần nhất với thời điểm báo cáo.

(1h): Chỉ rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thông tin trao đổi từ Cục Phòng, chống rửa tiền – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2): Ghi đầy đủ thông tin của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo tại đơn vị.

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị là chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo là chữ thường, có dấu.

Phần II:

Trường hợp lựa chọn “Khách hàng có tài khoản tại tổ chức tín dụng” thì các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Trường hợp lựa chọn “Khác” (các trường hợp tổ chức tín dụng chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ): điền các thông tin tổ chức tín dụng thu thập được.

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu khách hàng là tổ chức). Trường hợp có nhiều cá nhân thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi cá nhân. Nếu có từ 10 cá nhân trở lên có thể tạo thành bảng chi tiết thông tin cá nhân, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin như quy định tại phần này.

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch bằng chữ thường, có dấu.

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô “Khác”.

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(1m): Liệt kê tất cả tài khoản hiện có của cá nhân, tổ chức tại ngân hàng. Trường hợp có nhiều hơn một tài khoản, đề nghị chèn bổ sung thêm các hàng nhưng phải đảm bảo thông tin chi tiết đối với từng tài khoản theo các mục “Số tài khoản/Ngân hàng mở tài khoản/Loại tiền/Loại tài khoản/Ngày mở tài khoản/Tình trạng tài khoản”.

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu là khách hàng cá nhân). Trường hợp có nhiều tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi tổ chức.

(2.1b): Để trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng.

(2.1l): Liệt kê tất cả tài khoản hiện có của cá nhân, tổ chức tại ngân hàng. Trường hợp có nhiều hơn một tài khoản, đề nghị chèn bổ sung thêm các hàng nhưng phải đảm bảo thông tin chi tiết đối với từng tài khoản theo các mục “Số tài khoản/Ngân hàng mở tài khoản/Loại tiền/Loại tài khoản/Ngày mở tài khoản/Tình trạng tài khoản”.

(2.2): Trong trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật, chèn bổ sung thêm trường thông tin và điền đủ số người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức bằng chữ thường, có dấu.

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.2e): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.2g):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.2h): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2.3): Trong trường hợp có nhiều người được ủy quyền, chèn bổ sung thêm trường thông tin và điền đủ số người được ủy quyền của chủ tài khoản.

(2.3a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người được ủy quyền của tổ chức bằng chữ thường, có dấu.

(2.3b): Nêu rõ quan hệ của người được ủy quyền với chủ tài khoản là: nhân viên, lãnh đạo, kế toán....

(2.3c): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(3): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi khác, đối tượng báo cáo chèn thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi khác.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

(1l), (2k): Liệt kê tất cả tài khoản hiện có của cá nhân, tổ chức tại ngân hàng. Trường hợp có nhiều hơn một tài khoản, đề nghị chèn bổ sung thêm trường thông tin nhưng phải đảm bảo thông tin chi tiết đối với từng tài khoản theo các mục “Số tài khoản/Ngân hàng mở tài khoản/Loại tiền/Loại tài khoản/Ngày mở tài khoản/Tình trạng tài khoản”.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền. Trường hợp có nhiều dấu hiệu đáng ngờ thì liệt kê tất cả các điều, khoản về dấu hiệu đáng ngờ có liên quan.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(1c): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố.

(1d): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

(2.1): Lựa chọn một trong hai trường hợp (a) hoặc (b).

(2.2): Bắt buộc điền thông tin bên dưới trong trường hợp lựa chọn tại mục (2.1.) là (a):

(a): Thời gian giao dịch từ ngày (là ngày đầu tiên được nêu trong các bảng dòng tiền nêu tại mục 2.2.d) đến ngày (là ngày cuối cùng được nêu trong các bảng dòng tiền nêu tại mục 2.2.d).

(b): Tổng số tiền giao dịch nguyên tệ: tổng số tiền giao dịch được nêu trong các bảng dòng tiền nêu tại mục 2.2.d theo từng đơn vị tiền tệ.

(c): Tổng số tiền giao dịch quy đổi ra VND: tổng số tiền giao dịch được nêu trong các bảng dòng tiền nêu tại mục 2.2.d theo đơn vị Việt Nam Đồng.

(d): Bảng dòng tiền là bắt buộc điền thông tin trong trường hợp giao dịch đã được thực hiện.

Lưu ý khi khai báo bảng dòng tiền vào/ra:

- Chỉ điền thông tin về các giao dịch được mô tả là giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ

- Trường hợp báo cáo giao dịch về một tài khoản có dấu hiệu đáng ngờ (các giao dịch phát sinh trên tài khoản đều là giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ), thực hiện tổng hợp thông tin để điền 20 bên đối ứng trên tài khoản có tổng giá trị giao dịch lớn nhất, sau đó tóm lược các bên đối ứng còn lại trên tài khoản theo tổng số lượng bên đối ứng, tổng số lượng tài khoản đối ứng, tổng số tiền giao dịch để điền vào bảng dòng tiền.

(3): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền hay hoạt động tội phạm. (Mô tả tổng quan về khách hàng và giao dịch của khách hàng; từ đó làm rõ, nêu bật các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường).

(5): Nhận định về loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ (đối tượng báo cáo có thể lựa chọn nhiều loại tội phạm): Nhận định về loại tội phạm nguồn tại mục này là hoạt động đánh giá, dự đoán dựa trên các dấu hiệu đáng ngờ được mô tả trong báo cáo nhằm cung cấp thông tin ban đầu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(6): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ như nội dung hướng dẫn.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

NGƯỜI KIỂM SOÁT: là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền hợp pháp đối với đối tượng báo cáo là tổ chức. Cá nhân hoặc người được cá nhân ủy quyền đối với đối tượng báo cáo là cá nhân. Người được ủy quyền phải là người được quy định tại khoản 9a Điều 5 Thông tư này hoặc là người thuộc bộ phận chuyên trách (tổ, phòng, ban), bộ phận phụ trách hoặc người phụ trách tại trụ sở chính được quy định tại khoản 9b Điều 5 Thông tư này.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.*

(ii) Các cá nhân, tổ chức nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau và thể hiện trong phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

Mẫu số 02

**Áp dụng cho đối tượng báo cáo là
tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ Ngày tháng năm.....		Số báo cáo: abcd/yyyy
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẤU * (Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?*		
☐ Không	☐ Có bổ sung cho Báo cáo số ngày.....	
	☐ Có thay thế cho Báo cáo số ngày	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Mã đối tượng báo cáo (nếu có):		
c. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Điện thoại:		
đ. Tên điểm phát sinh giao dịch hoặc đơn vị quản lý tài khoản:		
e. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch hoặc địa chỉ đơn vị quản lý tài khoản:		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị:		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Chức vụ:		
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Bộ phận công tác:		
Phần II	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ	
1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch		
☐ Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung cấp		

☐ Khác (các trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ)				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi	☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi		
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi		☐ Từ 50 tuổi trở lên		
d. Giới tính*:				
☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác		
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia)		☐ Không quốc tịch	
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên	☐ Bác sĩ	
☐ Nội trợ	☐ Tiểu thương	☐ Kỹ sư		
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Hưu trí		
☐ Lao động tự do	☐ Nhân viên văn phòng	☐ Khác		
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
i. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ CCCD				
☐ Thẻ căn cước				
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:

l. Số điện thoại liên lạc*:		
m. Dịch vụ sử dụng*:		
☐ Cổng thanh toán điện tử	☐ Hỗ trợ thu hộ	☐ Hỗ trợ chi hộ
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử	☐ Ví điện tử	☐ Khác....
☐ Cổng thanh toán điện tử:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ thu hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chi hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử:		
Số tài khoản ngân hàng liên quan:		Tên ngân hàng liên quan:
☐ Ví điện tử:		
Ngày mở tài khoản ví điện tử:	Số thẻ/tài khoản ngân hàng liên kết:	Tên ngân hàng liên kết:
☐ Dịch vụ khác:		
Thông tin chi tiết của dịch vụ khác:		
2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch		
☐ Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung cấp		
☐ Khác (các trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ)		
2.1. Thông tin về tổ chức		
a. Tên đầy đủ của tổ chức*:		
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):		
c. Tên viết tắt (nếu có):		
d. Địa chỉ*:		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
đ. Giấy phép thành lập số:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế*:	Ngày cấp:	Quốc gia cấp:
g. Loại hình tổ chức*:		
☐ Công ty TNHH Một thành viên		
☐ Công ty TNHH Hai thành viên trở lên		

☐ Công ty cổ phần		
☐ Công ty hợp danh		
☐ Doanh nghiệp tư nhân		
☐ Tổ chức phi lợi nhuận		
☐ Khác (mô tả rõ)		
h. Ngành nghề kinh doanh chính:		
i. Số điện thoại liên lạc*:		
k. Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (tổ chức):		
l. Dịch vụ sử dụng*:		
☐ Cổng thanh toán điện tử	☐ Hỗ trợ thu hộ	☐ Hỗ trợ chi hộ
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử	☐ Ví điện tử	☐ Khác....
☐ Cổng thanh toán điện tử:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ thu hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chi hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử:		
Số tài khoản ngân hàng liên quan:		Tên ngân hàng liên quan:
☐ Ví điện tử:		
Ngày mở tài khoản ví điện tử:	Số thẻ/tài khoản ngân hàng liên kết:	Tên ngân hàng liên kết:
☐ Dịch vụ khác:		
Thông tin chi tiết của dịch vụ khác:		
2.2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức		
a. Họ và tên*:		
b. Ngày, tháng, năm sinh*:		
c. Quốc tịch*:		
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia)	☐ Không quốc tịch
d. Nghề nghiệp*:		
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ

☐ Nội trợ	☐ Tiểu thương	☐ Kỹ sư		
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Hưu trí		
☐ Lao động tự do	☐ Nhân viên văn phòng	☐ Khác ...		
đ. Chức vụ/vị trí việc làm:				
e. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
g. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
h. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
i. Số điện thoại liên lạc:				
2.3. Thông tin về người đại diện mở ví điện tử của tổ chức				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Quan hệ với chủ ví điện tử:				
d. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)			☐ Không quốc tịch
đ. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
e. Nơi ở hiện tại/hoặc nơi làm việc:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
g. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMTND ☐ CCCD	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:

☐ Thẻ căn cước				
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
h. Số điện thoại liên lạc:				
3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi*				
3.1. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của cá nhân thực hiện giao dịch				
	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi			
Danh sách cá nhân thực hiện giao dịch	Trùng với cá nhân thực hiện giao dịch (đánh dấu x)	Trùng với cá nhân đã được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3	Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3)	
Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân		Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân...	
3.2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức thực hiện giao dịch				
	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi			
Danh sách tổ chức thực hiện giao dịch	Trùng với cá nhân đã được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3		Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3)	
Tên đầy đủ của tổ chức; Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân		Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân...	
Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3:				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi	☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi		
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi		☐ Từ 50 tuổi trở lên		
d. Giới tính*:				
☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác		

đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia)		☐ Không quốc tịch	
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên		☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ	
☐ Nội trợ	☐ Tiểu thương		☐ Kỹ sư	
☐ Công nhân	☐ Nông dân		☐ Hưu trí	
☐ Lao động tự do	☐ Nhân viên văn phòng		☐ Khác ...	
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
4. Thông tin khác bổ sung				
Phần III		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi		☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi	

☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi		☐ Từ 50 tuổi trở lên	
d. Giới tính:			
☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác	
đ. Quốc tịch:			
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia)	☐ Không quốc tịch	
e. Nghề nghiệp:			
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên	☐ Bác sĩ
☐ Nội trợ	☐ Tiểu thương	☐ Kỹ sư	
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Hưu trí	
☐ Lao động tự do	☐ Nhân viên văn phòng	☐ Khác ...	
g. Địa chỉ đăng ký thường trú:			
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
h. Nơi ở hiện tại:			
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
i. Thông tin định danh cá nhân:			
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp: Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:			
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp: Nơi cấp:
k. Số điện thoại liên lạc:			
l. Dịch vụ sử dụng:			
☐ Cổng thanh toán điện tử	☐ Hỗ trợ thu hộ	☐ Hỗ trợ chi hộ	
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử	☐ Ví điện tử	☐ Khác....	
☐ Cổng thanh toán điện tử:			
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:	
☐ Hỗ trợ thu hộ:			
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:	

☐ Hỗ trợ chi hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử:		
Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:	
☐ Ví điện tử:		
Ngày mở tài khoản ví điện tử:	Số thẻ/tài khoản ngân hàng liên kết:	Tên ngân hàng liên kết:
☐ Dịch vụ khác:		
Thông tin chi tiết của dịch vụ khác:		
2. Thông tin về tổ chức có liên quan tới giao dịch		
a. Tên đầy đủ của tổ chức:		
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):		
c. Tên viết tắt (nếu có):		
đ. Địa chỉ:		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
e. Giấy phép thành lập số:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
g. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:	Ngày cấp:	Quốc gia cấp:
h. Ngành nghề kinh doanh chính:		
i. Số điện thoại liên lạc:		
k. Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (tổ chức):		
l. Dịch vụ sử dụng:		
☐ Công thanh toán điện tử	☐ Hỗ trợ thu hộ	☐ Hỗ trợ chi hộ
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử	☐ Ví điện tử	☐ Khác....
☐ Công thanh toán điện tử:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ thu hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chi hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử:		
Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:	
☐ Ví điện tử:		

Ngày mở tài khoản ví điện tử:	Số thẻ/tài khoản ngân hàng liên kết:	Tên ngân hàng liên kết:				
☐ Dịch vụ khác:						
Thông tin chi tiết của dịch vụ khác:						
3. Thông tin khác bổ sung						
Phần IV	THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ					
1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*						
☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền ☐ b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền ☐ b1) Nếu có, đề nghị ghi rõ dấu hiệu đáng ngờ phát sinh ban đầu theo khoản nào của các Điều 27, 29 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoản Điều Luật Phòng, chống rửa tiền. ☐ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định: c) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ khủng bố khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác về tài trợ khủng bố do đối tượng báo cáo tự xác định d) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do đối tượng báo cáo tự xác định						
2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ*						
2.1. Trạng thái của giao dịch đáng ngờ						
☐ a) Giao dịch đã được thực hiện ☐ b) Giao dịch chưa được thực hiện						
2.2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ (trong trường hợp giao dịch đã được thực hiện)						
a) Thời gian giao dịch: từ ngày.... đến ngày....						
b) Tổng số tiền giao dịch:(VND)						
c) Mô tả bằng dòng tiền:						
- Dòng tiền vào trên các ví điện tử phát sinh giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ (chi liệt kê các giao dịch ghi có trên ví điện tử là giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ) (khai báo theo từng ví điện tử) Ví điện tử số...; Tên chủ ví điện tử...; Tên tổ chức phát hành ví điện tử...						
Họ và tên người chuyển tiền	Số ví điện tử chuyển tiền vào	Tên ngân hàng liên quan	Tổng số tiền (Đ/vị:	Tổng số lượng giao dịch	Khoảng thời gian giao dịch	Nội dung chuyển tiền

			VND)			
			Tổng	Tổng		

- Dòng tiền ra trên các ví điện tử phát sinh giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ (chỉ liệt kê các giao dịch ghi nợ trên ví điện tử là giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ) (khai báo theo từng ví điện tử)

Ví điện tử số...; Tên chủ ví điện tử...; Tên tổ chức phát hành ví điện tử...

Họ và tên người nhận tiền	Số ví điện tử nhận chuyển tiền	Tên ngân hàng liên quan	Tổng số tiền (Đ/vì: VND)	Tổng số lượng giao dịch	Khoảng thời gian giao dịch	Nội dung chuyển tiền
			Tổng	Tổng		

3. Mô tả, phân tích chi tiết lý do báo cáo giao dịch đáng ngờ theo dấu hiệu nêu tại mục 1 và mục 2 nêu trên*:

....

4. Cơ sở hợp lý để nghi ngờ*:

a) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:

- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:

b) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

c) Hoặc căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt:

d) Hoặc căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt:

5. Nhận định về loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ*

(i) Tội khủng bố/Tội tài trợ khủng bố

(ii) Tội rửa tiền

(iii) Tội phạm nguồn của tội rửa tiền (có thể chọn nhiều)

STT	Tội phạm nguồn của tội rửa tiền
1	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
2	Tội mua bán trái phép chất ma túy
3	Tội tham ô tài sản
4	Tội nhận hối lộ
5	Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản
6	Tội trốn thuế
7	Tội mua bán người
8	Tội buôn lậu
9	Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới
10	Tội đánh bạc
11	Tội tổ chức đánh bạc
12	Tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia
13	Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
14	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán
15	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán
16	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán
17	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội thao túng thị trường chứng khoán
18	Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự
19	Tội sản xuất, buôn bán hàng giả
20	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp tài sản
21	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp giật tài sản,
22	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội trộm cắp tài sản

23	Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản
24	Tội sản xuất, buôn bán vận chuyển hàng cấm
25	Nhóm tội làm tiền giả và công cụ chuyển nhượng giả
26	Tội cướp biển
27	Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã
28	Khác... (điền thông tin là tội phạm theo điều khoản được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành)

6. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V	NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ, ví dụ: - Từ chối thực hiện giao dịch; - Tạm khóa tài khoản ví; - Chấm dứt thiết lập giao dịch với khách hàng; - Giám sát sau giao dịch; - Đưa vào hệ thống cảnh báo của đối tượng báo cáo; - Đã có công văn của đối tượng báo cáo gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận); - Đã có công văn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu đối tượng báo cáo cung cấp thông tin, tài liệu (số công văn, ngày công văn, đơn vị phát hành công văn) và công văn của đối tượng báo cáo cung cấp thông tin phản hồi (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận); - Công việc khác	
Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Hồ sơ mở tài khoản của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch (nếu mở ví điện tử tại đối tượng báo cáo); - Bảng kê chi tiết tất cả các giao dịch trên ví điện tử (bao gồm thông tin về bên đối ứng của giao dịch) từ ngày... đến ngày... (trước thời điểm phát sinh giao dịch đáng ngờ ít nhất 3 tháng đến ngày báo cáo giao dịch đáng ngờ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch) (nếu mở ví điện tử tại đối tượng báo cáo). Định dạng dữ liệu điện tử của Bảng kê chi tiết giao dịch theo hướng dẫn của Cục Phòng, chống rửa tiền tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này; - Minh họa bằng sơ đồ dòng tiền (bắt buộc trong trường hợp giao dịch đã được thực hiện). - Minh họa bằng sơ đồ mối quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức được nêu trong báo cáo (nếu có). - Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch	

phải báo cáo;

- Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO*

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KIỂM SOÁT*

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Số báo cáo: theo định dạng abcd/yyyy. Trong đó: abcd là số thứ tự trong năm tài chính; yyyy là năm tài chính (VD: 0010/2023).

Phần I:

(1đ): Đối tượng báo cáo điền thông tin về tên điểm phát sinh giao dịch trong trường hợp khách hàng thực hiện trực tiếp hoặc đơn vị quản lý tài khoản trong trường hợp khách hàng thực hiện giao dịch trực tuyến. Trường hợp có nhiều điểm phát sinh giao dịch thì điền thông tin của điểm phát sinh giao dịch đáng ngờ gần nhất với thời điểm báo cáo.

(1e): Đối tượng báo cáo điền thông tin về địa chỉ điểm phát sinh giao dịch trong trường hợp khách hàng thực hiện trực tiếp hoặc địa chỉ đơn vị quản lý tài khoản trong trường hợp khách hàng thực hiện giao dịch trực tuyến.

(1h): Chỉ rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thông tin trao đổi từ Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2): Ghi đầy đủ thông tin của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo tại đơn vị.

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị bằng chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo bằng chữ thường, có dấu.

Phần II:

Trường hợp lựa chọn “Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung cấp” thì các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Trường hợp lựa chọn “Khác (các trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ):” thì điền thông tin tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thu thập được.

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu khách hàng là tổ chức). Trường hợp có nhiều cá nhân thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi cá nhân. Nếu có từ 10 cá nhân trở lên có thể tạo thành bảng chi tiết thông tin cá nhân, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin như quy định tại phần này.

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch bằng chữ thường, có dấu.

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô “Khác”.

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu là khách hàng cá nhân). Trường hợp có nhiều tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi tổ chức.

(2.1b): Để trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng.

(2.2): Trong trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật, chèn bổ sung thêm trường thông tin và điền đủ số người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức bằng chữ thường, có dấu.

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.2e): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.2g):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.2h): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2.3): Điền thông tin này trong trường hợp có người đại diện mở ví điện tử khác chủ tài khoản

(2.3a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên bằng chữ thường, có dấu.

(2.3b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.3c): Ghi rõ quan hệ với chủ ví điện tử là vợ/chồng, cha mẹ, con cái, anh chị em, cấp trên, đồng nghiệp/bạn bè, khác (ghi rõ....) hoặc ghi rõ “không biết” nếu không biết rõ thông tin.

(2.3g): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(3): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi khác, đối tượng báo cáo bổ sung thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi khác.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền. Trường hợp có nhiều dấu hiệu đáng ngờ thì liệt kê tất cả các điều, khoản về dấu hiệu đáng ngờ có liên quan.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(1c): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố.

(1d): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

(2.1): Lựa chọn một trong hai trường hợp (a) hoặc (b).

(2.2): Bắt buộc điền thông tin bên dưới trong trường hợp lựa chọn tại mục (2.1.) là (a):

(a): Thời gian giao dịch từ ngày (là ngày đầu tiên được nêu trong các bảng dòng tiền tại mục 2.2.c) đến ngày (là ngày cuối cùng được nêu trong các bảng dòng tiền tại mục 2.2.c).

(b): Tổng số tiền giao dịch: tổng số tiền giao dịch được nêu trong các bảng dòng tiền tại mục 2.2.c.

(c): Bảng dòng tiền là bắt buộc điền thông tin trong trường hợp giao dịch đã được thực hiện.

Lưu ý khi khai báo bảng dòng tiền vào/ra:

- Chỉ điền thông tin về các giao dịch được mô tả là giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ

- Trường hợp báo cáo giao dịch về một ví điện tử có dấu hiệu đáng ngờ (các giao dịch phát sinh trên tài khoản đều là giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ), thực hiện tổng hợp thông tin để điền 20 bên đối ứng trên ví điện tử có tổng giá trị giao dịch lớn nhất, sau đó tóm lược các bên đối ứng còn lại trên tài khoản theo tổng số lượng bên đối ứng, tổng số lượng tài khoản đối ứng, tổng số tiền giao dịch để điền vào bảng dòng tiền.

(3): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền hay hoạt động tội phạm (Mô tả tổng quan về khách hàng và giao dịch của khách hàng; từ đó làm rõ, nêu bật các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường).

(5): Nhận định về loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ (đối tượng báo cáo có thể lựa chọn nhiều loại tội phạm): Nhận định về loại tội phạm nguồn tại mục này là hoạt động đánh giá, dự đoán dựa trên các dấu hiệu đáng ngờ được mô tả trong báo cáo nhằm cung cấp thông tin ban đầu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(6): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

NGƯỜI KIỂM SOÁT: là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền hợp pháp đối với đối tượng báo cáo là tổ chức. Cá nhân hoặc người được cá nhân ủy quyền đối với đối tượng báo cáo là cá nhân. Người được ủy quyền phải là người được quy định tại khoản 9a Điều 5 Thông tư này hoặc là người thuộc bộ phận chuyên trách (tổ, phòng, ban), bộ phận phụ trách hoặc người phụ trách tại trụ sở chính được quy định tại khoản 9b Điều 5 Thông tư này.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.*

(ii) Các cá nhân, tổ chức nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau và thể hiện trong phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

Mẫu số 03

Áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		Số báo cáo: abcd/yyyy
Ngày.... tháng.... năm.....		
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẤU *		
(Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?		
☐ Không	☐ Có bổ sung cho Báo cáo số..... ngày ☐ Có thay thế cho Báo cáo số..... ngày	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Mã đối tượng báo cáo (nếu có):		
c. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Điện thoại:		
đ. Tên điểm phát sinh giao dịch:		
e. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch:		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị:		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Chức vụ:		
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Bộ phận công tác:		
Phần II	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ	
1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch		

- ☐ Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ cung cấp
- ☐ Khác (các trường hợp tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ)

1.1 Thông tin về cá nhân mua hợp đồng bảo hiểm

a. Họ và tên*:

b. Ngày, tháng, năm sinh*:

c. Độ tuổi:

- | | | |
|--|--|--|
| ☐ Dưới 20 tuổi | ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi | ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi |
| ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi | ☐ Từ 50 tuổi trở lên | |

d. Giới tính*:

- | | | |
|------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| ☐ Nam | ☐ Nữ | ☐ Khác |
|------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|

đ. Quốc tịch*:

- | | | |
|-----------------------------------|--|--|
| ☐ Việt Nam | ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia...) | ☐ Không quốc tịch |
|-----------------------------------|--|--|

e. Nghề nghiệp*:

- | | | | |
|--|--|-------------------------------------|---------------------------------|
| ☐ Công chức/viên chức | ☐ Học sinh/sinh viên | ☐ Giáo viên | ☐ Bác sĩ |
| ☐ Nội trợ | ☐ Tiểu thương | ☐ Kỹ sư | |
| ☐ Công nhân | ☐ Nông dân | ☐ Hưu trí | |
| ☐ Lao động tự do | ☐ Nhân viên văn phòng | ☐ Khác | |

g. Chức vụ/vị trí việc làm:

h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:

Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
------------	-----------------	-----------

i. Nơi ở hiện tại*:

Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
------------	-----------------	-----------

k. Thông tin định danh cá nhân*:

- | | | | | |
|--|-----|-----------|----------------------------|----------|
| ☐ CMTND
☐ CCCD
☐ Thẻ căn cước
☐ Hộ chiếu
☐ Định danh cá nhân
☐ Khác | Số: | Ngày cấp: | Cơ quan có thẩm quyền cấp: | Nơi cấp: |
|--|-----|-----------|----------------------------|----------|

☐ Thị thực nhập cảnh:

Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
--------------	-----------	---------------	----------------------------	----------

☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:

Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
---------	-----------	---------------	----------------------------	----------

l. Số điện thoại liên lạc*:				
m. Số hợp đồng bảo hiểm đầu tiên có liên quan giao dịch đáng ngờ*:				
n. Loại hình bảo hiểm*:				
o. Tên sản phẩm bảo hiểm*:				
p. Tổng số tiền tham gia bảo hiểm*:				
q. Phí bảo hiểm/năm*:				
r. Ngày hợp đồng có hiệu lực*:				
s. Ngày hết hạn hợp đồng*:				
t. Phương thức thanh toán bảo hiểm*:				
☐ Thanh toán 1 lần	☐ Thanh toán hàng năm	☐ Thanh toán hàng tháng		
☐ Thanh toán trước/thanh toán đủ	☐ hoàn/hủy	☐ Khác (ghi rõ.....)		
u. Hình thức thanh toán phí bảo hiểm*:				
☐ Tiền mặt		☐ Chuyển khoản		
v. Số tài khoản tại ngân hàng:				
x. Tên ngân hàng mở tài khoản:				
1.2. Thông tin về người được bảo hiểm				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi	☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi		
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi		☐ Từ 50 tuổi trở lên		
d. Giới tính*:				
☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác		
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia....)	☐ Không quốc tịch		
e. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
g. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
h. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:

☐ CCCD				
☐ Thẻ căn cước				
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
i. Số điện thoại liên lạc*:				
k. Quan hệ với bên mua bảo hiểm*:				
1.3. Thông tin về người thụ hưởng				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi	☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi		
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi		☐ Từ 50 tuổi trở lên		
d. Giới tính:				
☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác		
đ. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia....)	☐ Không quốc tịch		
e. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
g. Nơi ở hiện tại:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
h. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMTND				
☐ CCCD				
☐ Thẻ căn cước	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				

☐ Thị thực nhập cảnh:

Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
--------------	-----------	---------------	----------------------------	----------

i. Số điện thoại liên lạc:

k. Quan hệ với bên mua bảo hiểm:

2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch

- ☐ Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ cung cấp
- ☐ Khác (các trường hợp tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ)

2.1. Thông tin về tổ chức mua bảo hiểm

a. Tên đầy đủ của tổ chức*:

b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

c. Tên viết tắt (nếu có):

d. Địa chỉ*:

Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
đ. Giấy phép thành lập số:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế*:	Ngày cấp:	Quốc gia cấp:

g. Loại hình tổ chức*:

- ☐ Công ty TNHH Một thành viên
- ☐ Công ty TNHH Hai thành viên trở lên
- ☐ Công ty cổ phần
- ☐ Công ty hợp danh
- ☐ Doanh nghiệp tư nhân
- ☐ Tổ chức phi lợi nhuận
- ☐ Khác (mô tả rõ)

h. Ngành nghề kinh doanh chính:

i. Số điện thoại liên lạc*:

k. Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (tổ chức):

l. Số hợp đồng bảo hiểm có liên quan giao dịch đáng ngờ*:

m. Loại hình bảo hiểm*:

n. Tên sản phẩm bảo hiểm*:

o. Tổng số tiền tham gia bảo hiểm*:

p. Phí bảo hiểm/năm*:

q. Ngày hợp đồng có hiệu lực*:

r. Ngày hết hạn hợp đồng*:

s. Phương thức thanh toán bảo hiểm*:

☐ Thanh toán 1 lần	☐ Thanh toán hàng năm	☐ Thanh toán hàng tháng
☐ Thanh toán trước/thanh toán đủ	☐ Hoàn/hủy	☐ Khác (ghi rõ)

t. Số tài khoản ngân hàng:

u. Tên ngân hàng mở tài khoản:

2.2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức*

a. Họ và tên:

b. Ngày, tháng, năm sinh:

c. Quốc tịch:

☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)	☐ Không quốc tịch
-----------------------------------	--	--

d. Địa chỉ đăng ký thường trú:

Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
------------	-----------------	-----------

e. Nơi ở hiện tại:

Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
------------	-----------------	-----------

g. Thông tin định danh cá nhân:

☐ CMTND	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ CCCD				
☐ Thẻ căn cước				
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				

☐ Thị thực nhập cảnh:

Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
--------------	-----------	---------------	----------------------------	----------

h. Số điện thoại liên lạc:

2.3. Thông tin về người được bảo hiểm*

a. Họ và tên:

b. Ngày, tháng, năm sinh:

c. Giới tính:

☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác
------------------------------	-----------------------------	-------------------------------

d. Quốc tịch:

☐ Việt Nam		☐ Nước ngoài: (tên quốc gia...)		☐ Không quốc tịch	
đ. Địa chỉ đăng ký thường trú:					
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
e. Nơi ở hiện tại:					
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
g. Thông tin định danh cá nhân:					
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác		Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:					
Số thị thực:		Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
h. Số điện thoại liên lạc:					
i. Quan hệ với bên mua bảo hiểm:					
2.4. Thông tin về người thụ hưởng					
a. Họ và tên:					
b. Ngày, tháng, năm sinh:					
c. Giới tính:					
☐ Nam		☐ Nữ		☐ Khác	
d. Quốc tịch:					
☐ Việt Nam		☐ Nước ngoài: (tên quốc gia...)		☐ Không quốc tịch	
đ. Địa chỉ đăng ký thường trú:					
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
e. Nơi ở hiện tại:					
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
g. Thông tin định danh cá nhân:					

☐ CMTND				Nơi cấp:
☐ CCCD				
☐ Thẻ căn cước	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				

☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:

h. Số điện thoại liên lạc:

i. Quan hệ với bên mua bảo hiểm:

3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi*

3.1. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của cá nhân thực hiện giao dịch

Danh sách cá nhân thực hiện giao dịch	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi		
	Trùng với cá nhân thực hiện giao dịch (đánh dấu x)	Trùng với cá nhân đã được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3	Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3)
Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân		Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân...

3.2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức thực hiện giao dịch

Danh sách tổ chức thực hiện giao dịch	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi	
	Trùng với cá nhân đã được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3	Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3)
Tên đầy đủ của tổ chức; Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân...

Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2, 2.3, 2.4:

a. Họ và tên*:

b. Ngày, tháng, năm sinh*:

c. Độ tuổi:

☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi	☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi		
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi		☐ Từ 50 tuổi trở lên		
d. Giới tính*:				
☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác		
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)	☐ Không quốc tịch		
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ		
☐ Nội trợ	☐ Tiểu thương	☐ Kỹ sư		
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Hưu trí		
☐ Lao động tự do	☐ Nhân viên văn phòng	☐ Khác		
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
i. Nơi ở hiện tại:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
k. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMTND	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ CCCD				
☐ Thẻ căn cước				
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc:				
4. Thông tin khác bổ sung				

Phần III		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi	☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi		
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi		☐ Từ 50 tuổi trở lên		
d. Giới tính:				
☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác		
đ. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)	☐ Không quốc tịch		
e. Nghề nghiệp:				
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ		
☐ Nội trợ	☐ Tiểu thương	☐ Kỹ sư		
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Hưu trí		
☐ Lao động tự do	☐ Nhân viên văn phòng	☐ Khác		
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
i. Nơi ở hiện tại:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
k. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMTND	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ CCCD				
☐ Thẻ căn cước				
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				

☐ Thị thực nhập cảnh:

Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
--------------	-----------	---------------	----------------------------	----------

l. Số điện thoại liên lạc:

m. Số hợp đồng bảo hiểm:

n. Tên sản phẩm bảo hiểm:

o. Tổng số tiền tham gia bảo hiểm:

p. Phí bảo hiểm/năm:

q. Ngày hợp đồng có hiệu lực:

r. Ngày hết hạn hợp đồng:

2. Thông tin về tổ chức có liên quan tới giao dịch

a. Tên đầy đủ của tổ chức:

b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

c. Tên viết tắt (nếu có):

d. Địa chỉ:

Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
------------	-----------------	-----------

đ. Giấy phép thành lập số:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
----------------------------	-----------	----------

e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:	Ngày cấp:	Quốc gia cấp:
-----------------------------------	-----------	---------------

g. Ngành nghề kinh doanh chính:

h. Số điện thoại liên lạc:

i. Số hợp đồng bảo hiểm:

k. Tên sản phẩm bảo hiểm:

l. Tổng số tiền tham gia bảo hiểm:

m. Phí bảo hiểm/năm:

n. Ngày hợp đồng có hiệu lực:

o. Ngày hết hạn hợp đồng:

3. Thông tin khác bổ sung

Phần IV	THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
----------------	--

1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*
☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền

b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền

☐ b1) Nếu có, đề nghị ghi rõ dấu hiệu đáng ngờ phát sinh ban đầu theo khoản nào của các Điều 27, 30 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoản..... Điều..... Luật Phòng, chống rửa tiền.

☐ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định:

c) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ khủng bố khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác về tài trợ khủng bố do đối tượng báo cáo tự xác định

d) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do đối tượng báo cáo tự xác định

2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ*

2.1. Trạng thái của giao dịch

☐ a) Giao dịch đã được thực hiện

☐ b) Giao dịch chưa được thực hiện

2.2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ (trong trường hợp giao dịch đã được thực hiện)

a) Thời gian giao dịch: từ ngày.... đến ngày....

b) Tổng số tiền giao dịch:.....(VND)

c) Mô tả bảng thông tin giao dịch đáng ngờ của cá nhân, tổ chức tham gia bảo hiểm:

STT	Số hợp đồng bảo hiểm	Tổng số tiền bảo hiểm (Đ/vị: VND)	Phí bảo hiểm (Đ/vị: VND)	Tổng số lần nộp phí bảo hiểm	Tổng số phí bảo hiểm đã nộp (Đ/vị: VND)	Tổng số tiền bảo hiểm rút ra (Đ/vị: VND)	Tổng số lần rút ra	Ngày kết thúc hợp đồng trước hạn
		Tổng	Tổng	Tổng	Tổng	Tổng	Tổng	

3. Mô tả, phân tích chi tiết lý do báo cáo giao dịch đáng ngờ theo dấu hiệu nêu tại mục 1 và mục 2 nêu trên*

.....

4. Cơ sở hợp lý để nghi ngờ*:

a) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:

- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc

quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:

b) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

.....

c) Hoặc căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố:

.....

d) Hoặc căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt:

.....

5. Nhận định về loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ*

(i) Tội khủng bố/Tội tài trợ khủng bố

(ii) Tội rửa tiền

(iii) Tội phạm nguồn của tội rửa tiền (có thể chọn nhiều)

STT	Tội phạm nguồn của tội rửa tiền
1	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
2	Tội mua bán trái phép chất ma túy
3	Tội tham ô tài sản
4	Tội nhận hối lộ
5	Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản
6	Tội trốn thuế
7	Tội mua bán người
8	Tội buôn lậu
9	Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới
10	Tội đánh bạc
11	Tội tổ chức đánh bạc
12	Tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia
13	Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
14	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán
15	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán
16	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán
17	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội thao túng thị trường chứng khoán
18	Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự
19	Tội sản xuất, buôn bán hàng giả
20	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp tài sản

21	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp giật tài sản,
22	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội trộm cắp tài sản
23	Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản
24	Tội sản xuất, buôn bán vận chuyển hàng cấm
25	Nhóm tội làm tiền giả và công cụ chuyển nhượng giả
26	Tội cướp biển
27	Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã
28	Khác... (điền thông tin là tội phạm theo điều khoản được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành)

6. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V	NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
---------------	--

Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ, ví dụ:

- Từ chối thực hiện giao dịch;
- Chấm dứt thiết lập giao dịch với khách hàng;
- Giám sát sau giao dịch;
- Đưa vào hệ thống cảnh báo của đối tượng báo cáo;
- Đã có công văn của đối tượng báo cáo gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận);
- Đã có công văn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu đối tượng báo cáo cung cấp thông tin, tài liệu (số công văn, ngày công văn, đơn vị phát hành công văn) và công văn của đối tượng báo cáo cung cấp thông tin phản hồi (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận);
- Công việc khác

Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
----------------	--------------------------

- Hồ sơ bảo hiểm của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch;
- Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo;
- Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO*
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KIỂM SOÁT*
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Phần I:

(1b): Mã đối tượng báo cáo do Bộ Tài chính hướng dẫn (nếu có).

(1h): Chi rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thông tin trao đổi từ Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị bằng chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo bằng chữ thường, có dấu.

Phần II:

Trường hợp lựa chọn “Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ cung cấp” thì các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Trường hợp lựa chọn “Khác (các trường hợp tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ không có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ):” điền các thông tin tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ thu thập được.

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu khách hàng là tổ chức). Trường hợp có nhiều cá nhân thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi cá nhân. Nếu có từ 10 cá nhân trở lên có thể tạo thành bảng chi tiết thông tin cá nhân, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin như quy định tại phần này.

(1.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người mua bảo hiểm bằng chữ thường, có dấu.

(1.1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1.1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1.1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô “Khác”.

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1.1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(1.1 từ m-s): Trường hợp nhiều hợp đồng bảo hiểm cùng liên quan đến giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm hàng và điền đầy đủ thông tin các trường thông tin: Số hợp đồng bảo hiểm/Loại hình bảo hiểm/Tên sản phẩm bảo hiểm/Tổng số tiền tham gia bảo hiểm /Phí bảo hiểm/Ngày hợp đồng có hiệu lực/Ngày hết hạn hợp đồng.

(1.1n): Nêu rõ tên loại hình bảo hiểm nhân thọ (ví dụ: bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí...)

(1.2): Áp dụng cho trường hợp người được bảo hiểm khác với người mua bảo hiểm (để trống nếu người mua bảo hiểm đồng thời là người được bảo hiểm).

(1.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người được bảo hiểm bằng chữ thường, có dấu.

(1.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1.2e): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1.2g):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1.2h): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(1.2k): Ghi rõ quan hệ với bên mua bảo hiểm là vợ/chồng, cha mẹ, con cái, anh chị em, cấp trên, đồng nghiệp/bạn bè, khác (ghi rõ....) hoặc ghi rõ “không biết” nếu không biết rõ thông tin.

(1.3): Áp dụng cho trường hợp người thụ hưởng khác với người mua bảo hiểm (để trống nếu người mua bảo hiểm đồng thời là người thụ hưởng).

(1.3a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người thụ hưởng bằng chữ thường, có dấu.

(1.3b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1.3e): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1.3g):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1.3h): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(1.3k): Ghi rõ quan hệ với bên mua bảo hiểm là vợ/chồng, cha mẹ, con cái, anh chị em, cấp trên, đồng nghiệp/bạn bè, khác (ghi rõ....) hoặc ghi rõ “không biết” nếu không biết rõ thông tin.

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu là khách hàng cá nhân). Trường hợp có nhiều tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi tổ chức.

(2.1b): Để trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng.

(2.1m): Nêu rõ tên loại hình bảo hiểm nhân thọ (ví dụ: bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí....).

(2.2): Trong trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật, chèn bổ sung thêm trường thông tin và điền đủ số người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức bằng chữ thường, có dấu.

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.2d): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.2e):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.2g): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2.3): Áp dụng cho trường hợp người được bảo hiểm khác với người mua bảo hiểm (để trống nếu người mua bảo hiểm đồng thời là người được bảo hiểm).

(2.3a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người được bảo hiểm bằng chữ thường, có dấu.

(2.3b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.3d): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.3e):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.3g): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2.3i): Ghi rõ quan hệ với bên mua bảo hiểm là lãnh đạo, nhân viên, khác (ghi rõ....) hoặc ghi rõ “không biết” nếu không biết rõ thông tin.

(2.4): Áp dụng cho trường hợp người thụ hưởng khác với người mua bảo hiểm (để trống nếu người mua bảo hiểm đồng thời là người thụ hưởng).

(2.4a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người thụ hưởng bằng chữ thường, có dấu.

(2.4b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.4đ): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.4e):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.4g): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2.4i): Ghi rõ quan hệ với bên mua bảo hiểm là lãnh đạo, nhân viên, khác (ghi rõ....) hoặc ghi rõ “không biết” nếu không biết rõ thông tin.

(3): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi khác, đối tượng báo cáo chèn thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi khác.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền. Trường hợp có nhiều dấu hiệu đáng ngờ thì liệt kê tất cả các điều, khoản về dấu hiệu đáng ngờ có liên quan.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(1c): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố.

(1d): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

(2.1): Lựa chọn một trong hai trường hợp (a) hoặc (b).

(2.2): Bắt buộc điền thông tin trong trường hợp lựa chọn tại mục (2.1.) là (a).

(3): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền (Mô tả tổng quan về khách hàng và giao dịch của khách hàng; từ đó làm rõ, nêu bật các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường).

(5): Nhận định về loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ (đối tượng báo cáo có thể lựa chọn nhiều loại tội phạm): Nhận định về loại tội phạm nguồn tại mục này là hoạt động đánh giá, dự đoán dựa trên các dấu hiệu đáng ngờ được mô tả trong báo cáo nhằm cung cấp thông tin ban đầu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(6): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

NGƯỜI KIỂM SOÁT: là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền hợp pháp đối với đối tượng báo cáo là tổ chức. Cá nhân hoặc người được cá nhân ủy quyền đối với đối tượng báo cáo là cá nhân. Người được ủy quyền phải là người được quy định tại khoản 9a Điều 5 Thông tư này hoặc là người thuộc bộ phận chuyên trách (tổ, phòng, ban), bộ phận phụ trách hoặc người phụ trách tại trụ sở chính được quy định tại khoản 9b Điều 5 Thông tư này.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.*

(ii) Các cá nhân, tổ chức được nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau và thể hiện trong phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

Mẫu số 04

Áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh chứng khoán

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		Số báo cáo: abcd/yyyy
Ngàythángnăm		
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẤU *		
(Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?		
☐ Không	☐ Có bổ sung cho Báo cáo số..... ngày	
	☐ Có thay thế cho Báo cáo sốngày	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Mã đối tượng báo cáo (nếu có):		
c. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Điện thoại:		
đ. Tên điểm phát sinh giao dịch:		
e. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch:		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị:		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Chức vụ:		
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*:		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Bộ phận công tác:		
Phần II	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ	
1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch		

☐ Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức kinh doanh chứng khoán cung cấp				
☐ Khác (các trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ)				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi		☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi		☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi				☐ Từ 50 tuổi trở lên
d. Giới tính*:				
☐ Nam		☐ Nữ		☐ Khác
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam		☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)		☐ Không quốc tịch
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức		☐ Học sinh/sinh viên		☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ
☐ Nội trợ		☐ Tiểu thương		☐ Kỹ sư
☐ Công nhân		☐ Nông dân		☐ Hưu trí
☐ Lao động tự do		☐ Nhân viên văn phòng		☐ Khác
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác		Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp: Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				

Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
m. Số tài khoản chứng khoán*:				
n. Các loại chứng khoán có giá có liên quan*:				
☐ Cổ phiếu	☐ Trái phiếu	☐ Chứng chỉ quỹ	☐ Khác..... (mô tả rõ)	
o. Số tài khoản ngân hàng liên quan:				
p. Tên ngân hàng mở tài khoản:				
2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch				
☐ Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức kinh doanh chứng khoán cung cấp				
☐ Khác (các trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ)				
2.1. Thông tin về tổ chức				
a. Tên đầy đủ của tổ chức*:				
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):				
c. Tên viết tắt (nếu có):				
d. Địa chỉ*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
đ. Giấy phép thành lập số:		Ngày cấp:		Nơi cấp:
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế*:		Ngày cấp:		Quốc gia cấp:
g. Loại hình tổ chức*:				
☐ Công ty TNHH Một thành viên				
☐ Công ty TNHH Hai thành viên trở lên				
☐ Công ty cổ phần				
☐ Công ty hợp danh				
☐ Doanh nghiệp tư nhân				
☐ Tổ chức phi lợi nhuận				
☐ Khác (mô tả rõ)				
h. Ngành nghề kinh doanh chính:				
i. Số điện thoại liên lạc*:				
k. Địa chỉ trang web của doanh nghiệp (tổ chức):				

l. Số tài khoản chứng khoán*:				
m. Các loại chứng khoán có giá có liên quan*:				
☐ Cổ phiếu	☐ Trái phiếu	☐ Chứng chỉ quỹ	☐ Khác..... (mô tả rõ)	
n. Số tài khoản ngân hàng liên quan*:				
o. Tên ngân hàng mở tài khoản*:				
2.2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Nghề nghiệp:				
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ		
☐ Nội trợ	☐ Tiểu thương	☐ Kỹ sư		
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Hưu trí		
☐ Lao động tự do	☐ Nhân viên văn phòng	☐ Khác		
d. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)	☐ Không quốc tịch		
đ. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
e. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
g. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND				
☐ CCCD				
☐ Thẻ căn cước	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
h. Số điện thoại liên lạc:				
3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi				
3.1. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của cá nhân thực hiện giao dịch				

Danh sách cá nhân thực hiện giao dịch	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi		
	Trùng với cá nhân thực hiện giao dịch (đánh dấu x)	Trùng với cá nhân đã được khai báo tại mục 1, 2.2	Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2)
Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân		Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân...

3.2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức thực hiện giao dịch

Danh sách tổ chức thực hiện giao dịch	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi	
	Trùng với cá nhân đã được khai báo tại mục 1, 2.2	Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2)
Tên đầy đủ của tổ chức; Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân...

Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2:

a. Họ và tên*:

b. Ngày, tháng, năm sinh*:

c. Độ tuổi:

- ☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên

d. Giới tính*:

- ☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác

đ. Quốc tịch:

- ☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch

e. Nghề nghiệp*:

- ☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ
☐ Nội trợ ☐ Tiểu thương ☐ Kỹ sư
☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Hưu trí
☐ Lao động tự do ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Khác

g. Chức vụ/vị trí việc làm:

h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:

Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
i. Nơi ở hiện tại*:					
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
k. Thông tin định danh cá nhân*:					
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
☐ Thị thực nhập cảnh:					
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:					
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
l. Số điện thoại liên lạc*:					
4. Thông tin khác bổ sung					
Phần III		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ			
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch					
a. Họ và tên:					
b. Ngày, tháng, năm sinh:					
c. Độ tuổi:					
☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi		☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi		
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi		☐ Từ 50 tuổi trở lên			
d. Giới tính:					
	☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác		
đ. Quốc tịch:					
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)			☐ Không quốc tịch	
e. Nghề nghiệp:					

☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ		
☐ Nội trợ	☐ Tiểu thương	☐ Kỹ sư		
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Hưu trí		
☐ Lao động tự do	☐ Nhân viên văn phòng	☐ Khác		
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
i. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
k. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc:				
m. Số tài khoản:				
n. Mở tại ngân hàng:				
2. Thông tin về tổ chức có liên quan tới giao dịch				
a. Tên đầy đủ của tổ chức:				
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):				
c. Tên viết tắt (nếu có):				
d. Địa chỉ:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
d. Giấy phép thành lập số:	Ngày cấp:	Nơi cấp:		
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:	Ngày cấp:	Quốc gia cấp:		
g. Ngành nghề kinh doanh chính:				
i. Số điện thoại liên lạc:				

k. Số tài khoản:

l. Mở tại ngân hàng:

3. Thông tin khác bổ sung

Phần IV	THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
----------------	--

1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*

☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền.

b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền

☐ b1) Nếu có, đề nghị ghi rõ theo khoản nào của các Điều 27, 31 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoản..... Điều..... Luật Phòng, chống rửa tiền.

☐ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định:

c) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ khủng bố khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác về tài trợ khủng bố do đối tượng báo cáo tự xác định

d) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do đối tượng báo cáo tự xác định

2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ*

2.1. Trạng thái của giao dịch đáng ngờ

☐ a) Giao dịch đã được thực hiện

☐ b) Giao dịch chưa được thực hiện

2.2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ (trong trường hợp giao dịch đã được thực hiện)

a) Thời gian giao dịch: từ ngày.... đến ngày....

b) Tổng số tiền giao dịch:.....(VND)

c) Mô tả bằng thông tin liên quan đến mua, bán chứng khoán của cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch (trong trường hợp tài khoản của khách hàng có phát sinh giao dịch):

STT	Danh mục loại chứng khoán mua vào	Tổng số tiền giao dịch chứng khoán	Tổng số lượng giao dịch mua chứng khoán	Thời gian giao dịch	Danh mục loại chứng khoán bán ra	Tổng số tiền giao dịch chứng khoán	Tổng số lượng giao dịch bán chứng khoán	Thời gian giao dịch
		Tổng	Tổng		Tổng	Tổng	Tổng	

3. Mô tả, phân tích chi tiết lý do báo cáo giao dịch đáng ngờ theo dấu hiệu nêu tại mục 1 và mục 2 nêu trên*:

4. Cơ sở hợp lý để nghi ngờ*:

a) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:

- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:

b) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

.....

c) Hoặc căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố:

.....

d) Hoặc căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt:

.....

5. Nhận định về loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ*

(i) Tội khủng bố/Tội tài trợ khủng bố

(ii) Tội rửa tiền

(iii) Tội phạm nguồn của tội rửa tiền (có thể chọn nhiều)

STT	
1	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
2	Tội mua bán trái phép chất ma túy
3	Tội tham ô tài sản
4	Tội nhận hối lộ
5	Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản
6	Tội trốn thuế
7	Tội mua bán người
8	Tội buôn lậu

9	Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới
10	Tội đánh bạc
11	Tội tổ chức đánh bạc
12	Tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia
13	Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
14	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán
15	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán
16	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán
17	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội thao túng thị trường chứng khoán
18	Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự
19	Tội sản xuất, buôn bán hàng giả
20	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp tài sản
21	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp giật tài sản,
22	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội trộm cắp tài sản
23	Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản
24	Tội sản xuất, buôn bán vận chuyển hàng cấm
25	Nhóm tội làm tiền giả và công cụ chuyển nhượng giả
26	Tội cướp biển
27	Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã
28	Khác... (điền thông tin là tội phạm theo điều khoản được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành)

6. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V	NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ, ví dụ: - Từ chối thực hiện giao dịch; - Tạm khóa tài khoản; - Chấm dứt thiết lập giao dịch với khách hàng; - Giám sát sau giao dịch; - Đưa vào hệ thống cảnh báo của đối tượng báo cáo; - Đã có công văn của đối tượng báo cáo gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận); - Đã có công văn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu đối tượng báo cáo cung cấp thông tin, tài liệu (số công văn, ngày công văn, đơn vị phát hành công văn) và công văn của đối tượng báo cáo cung cấp thông tin phản hồi (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận);	

- Công việc khác	
Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Hồ sơ chứng khoán của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch; - Minh họa bằng sơ đồ dòng tiền mua, bán chứng khoán (bắt buộc trong trường hợp giao dịch đã được thực hiện) - Minh họa bằng sơ đồ mối quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức được nêu trong báo cáo (nếu có). - Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo; - Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.	

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO* **NGƯỜI KIỂM SOÁT*** **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP***
 (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Phần I:

(1b): Mã đối tượng báo cáo do Bộ Tài chính hướng dẫn (nếu có).

(1h): Chỉ rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thông tin trao đổi từ Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị bằng chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo bằng chữ thường, có dấu.

Phần II:

Trường hợp lựa chọn “Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức kinh doanh chứng khoán cung cấp” thì các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Trường hợp lựa chọn “Khác (các trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán không có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ):” điền các thông tin tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ thu thập được.

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu khách hàng là tổ chức). Trường hợp có nhiều cá nhân thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi cá nhân. Nếu có từ 10 cá nhân trở lên có thể tạo thành bảng chi tiết thông tin cá nhân, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin như quy định tại phần này.

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch bằng chữ thường, có dấu.

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô “Khác”.

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu là khách hàng cá nhân). Trường hợp có nhiều tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi tổ chức.

(2.1b): Để trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức bằng chữ thường, có dấu.

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.2d): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.2e):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.2g): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(3): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi khác, đối tượng báo cáo chèn thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi khác.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu giao dịch đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(1c): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố.

(1d): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

(2.1): Lựa chọn một trong hai trường hợp (a) hoặc (b).

(2.2): Bắt buộc điền thông tin trong trường hợp lựa chọn tại mục (2.1.) là (a).

(4): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền hay hoạt động tội phạm (Mô tả tổng quan về khách hàng và giao dịch của khách hàng; từ đó làm rõ, nêu bật các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường).

(5): Nhận định về loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ: có thể lựa chọn nhiều loại tội phạm.

(6): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

NGƯỜI KIỂM SOÁT: là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền hợp pháp đối với đối tượng báo cáo là tổ chức. Cá nhân hoặc người được cá nhân ủy quyền đối với đối tượng báo cáo là cá nhân. Người được ủy quyền phải là người được quy định tại khoản 9a Điều 5 Thông tư này hoặc là người thuộc bộ phận chuyên trách (tổ, phòng, ban), bộ phận phụ trách hoặc người phụ trách tại trụ sở chính được quy định tại khoản 9b Điều 5 Thông tư này.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.*

(ii) Các cá nhân, tổ chức được nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau.

Mẫu số 05

Dành cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh bất động sản

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		<i>Số báo cáo: abcd/yyyy</i>
<i>Ngày tháng.....năm</i>		
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẤU *		
(Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?		
☐ Không	☐ Có bổ sung cho Báo cáo số.... ngày..... ☐ Có thay thế cho Báo cáo số..... ngày.....	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Mã đối tượng báo cáo (nếu có):		
c. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Điện thoại:		
đ. Tên điểm phát sinh giao dịch:		
e. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch:		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị:		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Chức vụ:		
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Bộ phận công tác:		
Phần II	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ	

1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch

☐ Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức kinh doanh bất động sản cung cấp

☐ Khác (các trường hợp tổ chức kinh doanh bất động sản chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ)

a. Họ và tên*:

b. Ngày, tháng, năm sinh*:

c. Độ tuổi:

☐ Dưới 20 tuổi

☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi

☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi

☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi

☐ Từ 50 tuổi trở lên

d. Giới tính:

☐ Nam

☐ Nữ

☐ Khác

đ. Quốc tịch*:

☐ Việt Nam
tịch

☐ Nước ngoài: (tên quốc gia)

☐ Không quốc tịch

e. Nghề nghiệp*:

☐ Công chức/viên chức

☐ Học sinh/sinh viên

☐ Giáo viên

☐ Bác sĩ

☐ Nội trợ

☐ Tiểu thương

☐ Kỹ sư

☐ Công nhân

☐ Nông dân

☐ Hưu trí

☐ Lao động tự do

☐ Nhân viên văn phòng

☐ Khác

g. Chức vụ/vị trí việc làm:

h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:

Phường/Xã:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

i. Nơi ở hiện tại*:

Phường/Xã:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

k. Thông tin định danh cá nhân*:

☐ CMTND

☐ CCCD

☐ Thẻ căn cước

☐ Hộ chiếu

Số

Ngày cấp:

Cơ quan có thẩm quyền cấp:

Nơi cấp:

☐ Định danh cá nhân					
☐ Khác					
☐ Thị thực nhập cảnh:					
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:					
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
l. Số điện thoại liên lạc*:					
m. Số hợp đồng bất động sản có liên quan giao dịch đáng ngờ*:					
n. Loại bất động sản:					
☐ Nhà cấp I		☐ Nhà cấp II		☐ Nhà cấp III	
☐ Nhà cấp IV		☐ Nhà cấp V		☐ Nhà cấp VI	
☐ Chung cư		☐ Đất thổ cư		☐ Đất ruộng	
☐ Khác		☐ Khác		☐ Khác	
o. Ngày hợp đồng có hiệu lực:					
p. Hình thức thanh toán hợp đồng:					
☐ Tiền mặt		☐ Chuyển khoản			
q. Phương thức thanh toán hợp đồng:					
☐ Thanh toán 1 lần		☐ Thanh toán nhiều lần		☐ Khác (ghi rõ)	
r. Số tài khoản ngân hàng:					
s. Ngân hàng mở tài khoản:					
2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch					
☐ Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức kinh doanh bất động sản cung cấp					
☐ Khác (các trường hợp tổ chức kinh doanh bất động sản chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ)					
2.1. Thông tin về tổ chức					
a. Tên đầy đủ của tổ chức*:					
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):					
c. Tên viết tắt (nếu có):					
d. Địa chỉ*:					
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
đ. Giấy phép thành lập số:		Ngày cấp:		Nơi cấp:	
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế*:		Ngày cấp:		Quốc gia cấp:	
g. Ngành nghề kinh doanh chính:					
h. Số điện thoại liên lạc*:					

i. Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (tổ chức):				
k. Số hợp đồng bất động sản có liên quan giao dịch đáng ngờ*:				
n. Loại bất động sản:				
☐ Nhà cấp I	☐ Nhà cấp II	☐ Nhà cấp III	☐ Nhà cấp IV	
☐ Chung cư	☐ Đất thổ cư	☐ Đất ruộng	☐ Khác	
o. Ngày hợp đồng có hiệu lực:				
p. Hình thức thanh toán hợp đồng:				
☐ Tiền mặt ☐ Chuyển khoản				
q. Phương thức thanh toán hợp đồng:				
☐ Thanh toán 1 lần ☐ Thanh toán nhiều lần ☐ Khác (ghi rõ)				
r. Số tài khoản ngân hàng:				
s. Ngân hàng mở tài khoản:				
2.2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức*				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia)				
☐ Không quốc tịch				
d. Nghề nghiệp:				
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên	☐ Bác sĩ	
☐ Nội trợ	☐ Tiểu thương	☐ Kỹ sư		
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Hưu trí		
☐ Lao động tự do	☐ Nhân viên văn phòng	☐ Khác ...		
đ. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
e. Nơi ở hiện tại:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
g. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMTND				
☐ CCCD	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thẻ căn cước				

☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
h. Số điện thoại liên lạc:				
3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi				
3.1. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của cá nhân thực hiện giao dịch				
	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi			
Danh sách cá nhân thực hiện giao dịch	Trùng với cá nhân thực hiện giao dịch (đánh dấu x)	Trùng với cá nhân đã được khai báo tại mục 1, 2.2	Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2)	
Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân		Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	
3.2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức thực hiện giao dịch				
Danh sách tổ chức thực hiện giao dịch	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi			
	Trùng với cá nhân đã được khai báo tại mục 1, 2.2	Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2)		
Tên đầy đủ của tổ chức; Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân		
Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2:				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				

☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức		☐ Học sinh/sinh viên		☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ
☐ Nội trợ		☐ Tiểu thương		☐ Kỹ sư
☐ Công nhân		☐ Nông dân		☐ Hưu trí
☐ Lao động tự do		☐ Nhân viên văn phòng		☐ Khác....
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
4. Thông tin khác bổ sung				
Phần III		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch (người mua/người bán bất động sản...)				
a. Họ và tên:				

b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia) ☐ Không quốc tịch				
d. Nghề nghiệp:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Tiểu thương ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Hưu trí ☐ Lao động tự do ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Khác				
đ. Chức vụ/vị trí việc làm:				
e. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
g. Nơi ở hiện tại:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
k. Số điện thoại liên lạc:				
2. Thông tin về tổ chức có liên quan tới giao dịch				
a. Tên đầy đủ của tổ chức:				
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):				
c. Tên viết tắt (nếu có):				
d. Địa chỉ:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
e. Giấy phép thành lập số:		Ngày cấp:	Nơi cấp:	

g. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:	Ngày cấp:	Quốc gia cấp:						
h. Ngành nghề kinh doanh chính:								
i. Số điện thoại liên lạc:								
3. Thông tin khác bổ sung								
Phân IV								
THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ								
1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*								
☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền								
☐ b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền								
☐ b1) Nếu có, đề nghị ghi rõ theo khoản nào của các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 và 33 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoản Điều Luật Phòng, chống rửa tiền.								
☐ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định:								
☐ c) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ khủng bố khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác về tài trợ khủng bố do đối tượng báo cáo tự xác định								
☐ d) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do đối tượng báo cáo tự xác định								
2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ*								
2.1. Trạng thái của giao dịch đáng ngờ								
☐ a) Giao dịch đã được thực hiện								
☐ b) Giao dịch chưa được thực hiện								
2.2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ (trong trường hợp giao dịch đã được thực hiện)								
a) Thời gian giao dịch: từ ngày.... đến ngày....								
b) Tổng số tiền giao dịch:.....(VND)								
c) Mô tả bảng thông tin liên quan đến mua, bán bất động sản của cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch (trong trường hợp tài khoản của khách hàng có phát sinh giao dịch):								
STT	Danh mục loại BĐS mua vào	Tổng số tiền giao dịch	Tổng số lần thanh toán mua BĐS	Thời gian giao dịch	Danh mục loại BĐS bán ra	Tổng số tiền giao dịch	Tổng số lần thanh toán bán BĐS	Thời gian giao dịch
		Tổng	Tổng			Tổng	Tổng	
3. Mô tả, phân tích chi tiết lý do báo cáo giao dịch đáng ngờ theo dấu hiệu nêu tại mục 1 và mục 2 nêu trên:								

4. Cơ sở hợp lý để nghi ngờ*:

a) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:

- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:.....

b) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

c) Hoặc căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố:

d) Hoặc căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt:

5. Nhận định về loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ*

(i) **Tội khủng bố/Tội tài trợ khủng bố**

(ii) **Tội rửa tiền**

(iii) **Tội phạm nguồn của tội rửa tiền (có thể chọn nhiều)**

SỐ	Tội phạm nguồn của tội rửa tiền
1	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
2	Tội mua bán trái phép chất ma túy
3	Tội tham ô tài sản
4	Tội nhận hối lộ
5	Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản
6	Tội trốn thuế
7	Tội mua bán người
8	Tội buôn lậu
9	Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới
10	Tội đánh bạc
11	Tội tổ chức đánh bạc
12	Tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia

13	Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
14	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán
15	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán
16	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán
17	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội thao túng thị trường chứng khoán
18	Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự
19	Tội sản xuất, buôn bán hàng giả
20	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp tài sản
21	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp giật tài sản,
22	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội trộm cắp tài sản
23	Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản
24	Tội sản xuất, buôn bán vận chuyển hàng cấm
25	Nhóm tội làm tiền giả và công cụ chuyển nhượng giả
26	Tội cướp biển
27	Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã
28	Khác... (điền thông tin là tội phạm theo điều khoản được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành)

6. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V	NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ, ví dụ: - Từ chối thực hiện giao dịch; - Chấm dứt thiết lập giao dịch với khách hàng; - Giám sát sau giao dịch; - Đưa vào hệ thống cảnh báo của đối tượng báo cáo; - Đã có công văn của đối tượng báo cáo gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận); - Đã có công văn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu đối tượng báo cáo cung cấp thông tin, tài liệu (số công văn, ngày công văn, đơn vị phát hành công văn) và công văn của đối tượng báo cáo cung cấp thông tin phản hồi (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận); - Công việc khác	
Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Hồ sơ giao dịch mua, bán bất động sản của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch; - Minh họa bằng sơ đồ dòng tiền mua, bán bất động sản (bắt buộc trong trường hợp giao dịch	

đã được thực hiện)

- Minh họa bằng sơ đồ mối quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức được nêu trong báo cáo (nếu có).
- Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo;
- Thông tin, tài liệu khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO* **NGƯỜI KIỂM SOÁT*** **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP***
 (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Phần I:

(1b): Mã đối tượng báo cáo do Bộ Xây dựng hướng dẫn (nếu có).

(1h): Chỉ rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thông tin trao đổi từ Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị bằng chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo bằng chữ thường, có dấu.

Phần II:

Trường hợp lựa chọn “Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức kinh doanh bất động sản cung cấp” thì các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Trường hợp lựa chọn “Khác (các trường hợp tổ chức kinh doanh bất động sản chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ):” điền các thông tin tổ chức kinh doanh bất động sản thu thập được.

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống nếu khách hàng là tổ chức).

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch bằng chữ thường, có dấu

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô “khác”.

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống nếu là khách hàng cá nhân). Trường hợp có nhiều tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi tổ chức.

(2.1b): Để trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức bằng chữ thường, có dấu.

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.2đ): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.2e):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.2g): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(3): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi khác, đối tượng báo cáo chèn thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi khác.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(1c): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố.

(1d): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

(2.1): Lựa chọn một trong hai trường hợp (a) hoặc (b).

(2.2): Bắt buộc điền thông tin trong trường hợp lựa chọn tại mục (2.1.) là (a).

(3): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền (Mô tả tổng quan về khách hàng và giao dịch của khách hàng; từ đó làm rõ, nêu bật các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường).

(5): Loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ (đối tượng báo cáo có thể lựa chọn nhiều loại tội phạm): Nhận định về loại tội phạm nguồn tại mục này là hoạt động đánh giá, dự

đoán dựa trên các dấu hiệu đáng ngờ được mô tả trong báo cáo nhằm cung cấp thông tin ban đầu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(6): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

NGƯỜI KIỂM SOÁT: là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền hợp pháp đối với đối tượng báo cáo là tổ chức. Cá nhân hoặc người được cá nhân ủy quyền đối với đối tượng báo cáo là cá nhân. Người được ủy quyền phải là người được quy định tại khoản 9a Điều 5 Thông tư này hoặc là người thuộc bộ phận chuyên trách (tổ, phòng, ban), bộ phận phụ trách hoặc người phụ trách tại trụ sở chính được quy định tại khoản 9b Điều 5 Thông tư này.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.*

(ii) Các cá nhân, tổ chức được nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau và thể hiện trong phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

Mẫu số 06

Áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh trò chơi có thưởng, bao gồm: trò chơi điện tử có thưởng; trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet; casino; xổ số; đặt cược

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		Số báo cáo: abcd/yyyy
Ngày tháng năm		
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẤU *		
(Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?		
☐ Không	☐ Có bổ sung cho Báo cáo sốngày..... ☐ Có thay thế cho Báo cáo sốngày	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Mã đối tượng báo cáo (nếu có):		
c. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Điện thoại:		
đ. Tên điểm phát sinh giao dịch hoặc đơn vị quản lý tài khoản:		
e. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch hoặc địa chỉ đơn vị quản lý tài khoản:		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị:		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Chức vụ:		
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Bộ phận công tác:		

Phần II		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch:				
☐ Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức kinh doanh trò chơi có thưởng cung cấp ☐ Khác (các trường hợp tổ chức kinh doanh trò chơi có thưởng chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ)				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Tiểu thương ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ hưu trí ☐ Lao động tự do ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:

☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
m. Phương thức giao dịch*:				
☐ Tiền mặt ☐ chuyển khoản				
n. Loại trò chơi*:				
☐ Casino ☐ Xổ số ☐ Khác (mô tả rõ)				
o. Số tài khoản tại ngân hàng:				
p. Tên ngân hàng mở tài khoản:				
2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi*:				
Danh sách cá nhân thực hiện giao dịch	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi			
	Trùng với cá nhân thực hiện giao dịch (đánh dấu x)		Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1)	
Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân			Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	
Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân thực hiện giao dịch:				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi				
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				

đ. Quốc tịch*:

☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia)

☐ Không quốc tịch

e. Nghề nghiệp*:

☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ

☐ Nội trợ ☐ Tiểu thương ☐ Kỹ sư

☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Hưu trí

☐ Lao động tự do ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Khác

g. Chức vụ/vị trí việc làm:

h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:

Phường/Xã: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia:

i. Nơi ở hiện tại*:

Phường/Xã: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia:

k. Thông tin định danh cá nhân*:

☐ CMTND

☐ CCCD

☐ Thẻ căn cước

☐ Hộ chiếu

☐ Định danh cá nhân

☐ Khác

Số:

Ngày cấp:

Cơ quan có
thẩm quyền
cấp:

Nơi cấp:

☐ Thị thực nhập cảnh:

Số thị thực:

Ngày cấp:

Ngày hết hạn:

Cơ quan có
thẩm quyền
cấp:

Nơi cấp:

☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:

Số thẻ:

Ngày cấp:

Ngày hết hạn:

Cơ quan có
thẩm quyền
cấp:

Nơi cấp:

l. Số điện thoại liên lạc*:

3. Thông tin khác bổ sung

Phần III

THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN
ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ

1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch

a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi		☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi		☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi		☐ Từ 50 tuổi trở lên		
d. Giới tính:				
☐ Nam		☐ Nữ		☐ Khác
đ. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam		☐ Nước ngoài: (tên quốc gia)		☐ Không quốc tịch
e. Nghề nghiệp:				
☐ Công chức/viên chức		☐ Học sinh/sinh viên		☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ
☐ Nội trợ		☐ Tiểu thương		☐ Kỹ sư
☐ Công nhân		☐ Nông dân		☐ Hưu trí
☐ Lao động tự do		☐ Nhân viên văn phòng		☐ Khác
g. Chức vụ:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				

Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
l. Số điện thoại liên lạc:					
m. Số tài khoản ngân hàng:					
n. Tên ngân hàng mở tài khoản:					
2. Thông tin khác bổ sung					
Phần IV		THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ			
1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*					
☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền					
☐ b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền					
☐ b1) Nếu có, đề nghị ghi rõ theo khoản nào của các Điều 27, 32 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoản Điều Luật Phòng, chống rửa tiền.					
☐ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định:					
☐ c) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ khủng bố khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác về tài trợ khủng bố do đối tượng báo cáo tự xác định					
☐ d) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do đối tượng báo cáo tự xác định					
2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ*					
2.1. Trạng thái của giao dịch đáng ngờ*					
☐ a) Giao dịch đã được thực hiện					
☐ b) Giao dịch chưa được thực hiện					
2.2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ (trong trường hợp giao dịch đã được thực hiện)					
a) Thời gian giao dịch: từ ngày.... đến ngày....					
b) Tổng số tiền giao dịch:.....(VND)					
c) Mô tả bảng thông tin giao dịch của cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ và cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (trong trường hợp tài khoản của khách hàng có phát sinh giao dịch):					
STT	Tổng số lần tham gia trò chơi có thưởng	Tổng số tiền giao dịch tham gia trò chơi có thưởng	Tổng số tiền rút ra	Tổng số tiền thắng cược	Thời gian giao dịch

	Tổng	Tổng	Tổng	Tổng	
--	------	------	------	------	--

3. Mô tả, phân tích chi tiết lý do báo cáo giao dịch đáng ngờ theo dấu hiệu nêu tại mục 1 và mục 2 nêu trên:

.....

4. Cơ sở hợp lý để nghi ngờ*:

a) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:

- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:

b) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

c) Hoặc căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố:

d) Hoặc căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt:

5. Nhận định về loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ*

(i) *Tội khủng bố/Tội tài trợ khủng bố*

(ii) *Tội rửa tiền*

(iii) *Tội phạm nguồn của tội rửa tiền (có thể chọn nhiều)*

STT	Tội phạm nguồn của tội rửa tiền
1	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
2	Tội mua bán trái phép chất ma túy
3	Tội tham ô tài sản
4	Tội nhận hối lộ
5	Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản
6	Tội trốn thuế
7	Tội mua bán người
8	Tội buôn lậu
9	Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới

10	Tội đánh bạc
11	Tội tổ chức đánh bạc
12	Tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia
13	Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
14	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán
15	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán
16	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán
17	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội thao túng thị trường chứng khoán
18	Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự
19	Tội sản xuất, buôn bán hàng giả
20	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp tài sản
21	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp giật tài sản,
22	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội trộm cắp tài sản
23	Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản
24	Tội sản xuất, buôn bán vận chuyển hàng cấm
25	Nhóm tội làm tiền giả và công cụ chuyển nhượng giả
26	Tội cướp biển
27	Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã
28	Khác... (điền thông tin là tội phạm theo điều khoản được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành)

6. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V	NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ, ví dụ: - Từ chối thực hiện giao dịch; - Chấm dứt thiết lập giao dịch với khách hàng; - Giám sát sau giao dịch; - Đưa vào hệ thống cảnh báo của đối tượng báo cáo; - Đã có công văn của đối tượng báo cáo gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (số công văn,	

ngày công văn, đơn vị tiếp nhận);

- Đã có công văn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu đối tượng báo cáo cung cấp thông tin, tài liệu (số công văn, ngày công văn, đơn vị phát hành công văn) và công văn của đối tượng báo cáo cung cấp thông tin phản hồi (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận);

- Công việc khác

Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Hồ sơ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch; - Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo; - Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ (chứng từ nhận thưởng...) được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.	

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO* **NGƯỜI KIỂM SOÁT*** **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP***
 (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Phần I:

(1b): Mã đối tượng báo cáo do Bộ Tài chính hướng dẫn (nếu có).

(1h): Chỉ rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thông tin trao đổi từ Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị bằng chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo bằng chữ thường, có dấu.

Phần II:

Trường hợp lựa chọn “Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do tổ chức kinh doanh trò chơi có thưởng cung cấp” thì các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Trường hợp lựa chọn “Khác (các trường hợp tổ chức kinh doanh trò chơi có thưởng chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ):” điền các thông tin tổ chức kinh doanh trò chơi có thưởng thu thập được.

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống nếu khách hàng là tổ chức). Trường hợp có nhiều cá nhân thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi cá nhân. Nếu có từ 10 cá nhân trở lên có thể tạo thành bảng chi tiết thông tin cá nhân, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin như quy định tại phần này.

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch bằng chữ thường, có dấu.

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô “Khác”.

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi khác, đối tượng báo cáo chèn thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi khác.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(1c): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố.

(1d): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

(2.1): Lựa chọn một trong hai trường hợp (a) hoặc (b).

(2.2): Bắt buộc điền thông tin trong trường hợp lựa chọn tại mục (2.1.) là (a).

(3): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền (Mô tả tổng quan về khách hàng và giao dịch của khách hàng; từ đó làm rõ, nêu bật các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường).

(5): Loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ (đối tượng báo cáo có thể lựa chọn nhiều loại tội phạm): Nhận định về loại tội phạm nguồn tại mục này là hoạt động đánh giá, dự đoán dựa trên các dấu hiệu đáng ngờ được mô tả tại trong báo cáo nhằm cung cấp thông tin ban đầu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(6): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

NGƯỜI KIỂM SOÁT: là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền hợp pháp đối với đối tượng báo cáo là tổ chức. Cá nhân hoặc người được cá nhân ủy quyền đối với đối tượng báo cáo là cá nhân. Người được ủy quyền phải là người được quy định tại khoản 9a Điều 5 Thông tư này hoặc là người thuộc bộ phận chuyên trách (tổ, phòng, ban), bộ phận phụ trách hoặc người phụ trách tại trụ sở chính được quy định tại khoản 9b Điều 5 Thông tư này.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.*

(ii) Các cá nhân, tổ chức được nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau và thể hiện trong phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

Mẫu số 07

Áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức/cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan (trừ các tổ chức kinh doanh bất động sản, trò chơi có thưởng) và tổ chức khác

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		Số báo cáo: abcd/yyyy
Ngày tháng năm		
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẤU *		
(Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?		
☐ Không	☐ Có bổ sung cho Báo cáo số ngày ☐ Có thay thế cho Báo cáo số ngày	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
c. Điện thoại:		
d. Tên điểm phát sinh giao dịch:		
đ. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch:		
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
e. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị:		
i. Ngành, nghề phi tài chính của đối tượng báo cáo:		
☐ Kinh doanh kim khí quý, đá quý ☐ Kinh doanh dịch vụ kế toán ☐ Cung cấp dịch vụ công chứng ☐ Cung cấp dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư ☐ Cung cấp dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp ☐ Cung cấp dịch vụ giám đốc, thư ký công ty cho bên thứ ba ☐ Cung cấp dịch vụ thỏa thuận pháp lý		

☐ Khác(Mô tả rõ)	
k. Cơ quan quản lý hoạt động của đối tượng báo cáo:	
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo	
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền *	
a. Họ và tên:	
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:
d. Chức vụ:	
2.2. Thông tin về người lập báo cáo *	
a. Họ và tên:	
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:
d. Bộ phận công tác:	
Phần II	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch	
☐ Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do đối tượng báo cáo cung cấp	
☐ Khác (các trường hợp đối tượng báo cáo chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ)	
a. Họ và tên*:	
b. Ngày, tháng, năm sinh*:	
c. Độ tuổi:	
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên	
d. Giới tính*:	
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác	
đ. Quốc tịch*:	
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia) ☐ Không quốc tịch	
e. Nghề nghiệp*:	
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Tiểu thương ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Hưu trí ☐ Lao động tự do ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Khác	
g. Chức vụ/vị trí việc làm:	

h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:

Phường/Xã: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia:

i. Nơi ở hiện tại*:

Phường/Xã: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia:

k. Thông tin định danh cá nhân*:

☐ CMTND	Số	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ CCCD				
☐ Thẻ căn cước				
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				

☐ Thị thực nhập cảnh:

Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
--------------	-----------	---------------	----------------------------	----------

☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:

Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
---------	-----------	---------------	----------------------------	----------

l. Số điện thoại liên lạc*:

m. Số tài khoản tại ngân hàng:

n. Tên ngân hàng mở tài khoản:

2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch

2.1. Thông tin về tổ chức

a. Tên đầy đủ của tổ chức*:

b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

c. Tên viết tắt (nếu có):

d. Địa chỉ*:

Phường/Xã: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia:

đ. Giấy phép thành lập số:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế*:	Ngày cấp:	Quốc gia cấp:

g. Ngành nghề kinh doanh chính:

h. Số điện thoại liên lạc*:

i. Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (tổ chức):

k. Số tài khoản tại ngân hàng:				
l. Tên ngân hàng mở tài khoản:				
2.2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức*				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia) ☐ Không quốc tịch				
d. Chức vụ/vị trí việc làm:				
e. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
g. Nơi ở hiện tại:				
Phường/Xã:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
h. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMTND ☐ CCCD ☐ Thẻ căn cước ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
i. Số điện thoại liên lạc:				
3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi				
3.1. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của cá nhân thực hiện giao dịch				
Danh sách cá nhân thực hiện giao dịch	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi			
	Trùng với cá nhân thực hiện giao dịch (đánh dấu x)	Trùng với cá nhân đã được khai báo tại mục 1, 2.2	Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2)	
Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân		Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	

3.2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức thực hiện giao dịch

Danh sách tổ chức thực hiện giao dịch	Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi			
	Trùng với cá nhân đã được khai báo tại mục 1, 2.2	Khác (chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2)		
Tên đầy đủ của tổ chức; Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân	Họ và tên; Số giấy tờ định danh cá nhân		
Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân được khai báo tại mục 1, 2.2:				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Tiểu thương ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Hưu trí ☐ Lao động tự do ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
i. Nơi ở hiện tại*:				
Phường/Xã:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMTND	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:

☐ CCCD				
☐ Thẻ căn cước				
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Khác				
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
1. Số điện thoại liên lạc*:				
4. Thông tin khác bổ sung				
Phần III		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên ☐ Bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Tiểu thương ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Hưu trí ☐ Lao động tự do ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				

h. Địa chỉ đăng ký thường trú:

Phường/Xã:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

i. Nơi ở hiện tại:

Phường/Xã:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

k. Thông tin định danh cá nhân:

☐ CMTND

☐ CCCD

☐ Thẻ căn cước

☐ Hộ chiếu

☐ Định danh cá nhân

☐ Khác

Số:

Ngày cấp:

Cơ quan có thẩm quyền cấp:

Nơi cấp:

☐ Thị thực nhập cảnh:

Số thị thực:

Ngày cấp:

Ngày hết hạn:

Cơ quan có thẩm quyền cấp:

Nơi cấp:

l. Số điện thoại liên lạc:

m. Số tài khoản:

n. Mở tại ngân hàng:

2. Thông tin về tổ chức có liên quan tới giao dịch

a. Tên đầy đủ của tổ chức:

b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

c. Tên viết tắt (nếu có):

d. Địa chỉ:

Phường/Xã:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

đ. Giấy phép thành lập số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Ngày cấp:

Quốc gia cấp:

g. Ngành nghề kinh doanh chính:

h. Số điện thoại liên lạc:

i. Số tài khoản ngân hàng:

k. Tên ngân hàng mở tài khoản:

3. Thông tin khác bổ sung

Phần IV	THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*	
☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền ☐ b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền ☐ b1) Nếu có, đề nghị ghi rõ dấu hiệu đáng ngờ phát sinh ban đầu theo khoản của Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 và 33 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoản Điều Luật Phòng, chống rửa tiền. ☐ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định: ☐ c) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ khủng bố khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định ☐ d) Báo cáo giao dịch đáng ngờ về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định	
2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ*	
2.1. Trạng thái của giao dịch đáng ngờ	
☐ Giao dịch đã được thực hiện ☐ Giao dịch chưa được thực hiện	
2.2. Thông tin về giao dịch đáng ngờ	
- Thời gian giao dịch: từ ngày.... đến ngày.... - Tổng số tiền giao dịch:.....(VND)	
3. Mô tả, phân tích chi tiết lý do báo cáo giao dịch đáng ngờ theo dấu hiệu nêu tại mục 1 và mục 2 nêu trên*:	
.....	
4. Cơ sở hợp lý để nghi ngờ*:	
a) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền: - Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án: - Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó: b) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):.....	

c) Hoặc căn cứ đề nghị ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý đề nghị ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố:

d) Hoặc căn cứ đề nghị ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc cơ sở hợp lý đề nghị ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt:

5. Nhận định về loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ*

(i) **Tội khủng bố/Tội tài trợ khủng bố**

(ii) **Tội rửa tiền**

(iii) **Tội phạm nguồn của tội rửa tiền (có thể chọn nhiều)**

STT	Tội phạm nguồn của tội rửa tiền
1	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
2	Tội mua bán trái phép chất ma túy
3	Tội tham ô tài sản
4	Tội nhận hối lộ
5	Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản
6	Tội trốn thuế
7	Tội mua bán người
8	Tội buôn lậu
9	Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới
10	Tội đánh bạc
11	Tội tổ chức đánh bạc
12	Tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia
13	Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
14	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán
15	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán
16	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán
17	Nhóm tội phạm về chứng khoán: Tội thao túng thị trường chứng khoán
18	Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự
19	Tội sản xuất, buôn bán hàng giả
20	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp tài sản
21	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội cướp giật tài sản,
22	Nhóm tội cướp hoặc trộm cắp tài sản: Tội trộm cắp tài sản

23	Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản
24	Tội sản xuất, buôn bán vận chuyển hàng cấm
25	Nhóm tội làm tiền giả và công cụ chuyển nhượng giả
26	Tội cướp biển
27	Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã
28	Khác... (điền thông tin là tội phạm theo điều khoản được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành)

6. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V	NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ, ví dụ: - Từ chối thực hiện giao dịch; - Chấm dứt thiết lập giao dịch với khách hàng; - Giám sát sau giao dịch; - Đưa vào hệ thống cảnh báo của đối tượng báo cáo; - Đã có công văn của đối tượng báo cáo gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận); - Đã có công văn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu đối tượng báo cáo cung cấp thông tin, tài liệu (số công văn, ngày công văn, đơn vị phát hành công văn) và công văn của đối tượng báo cáo cung cấp thông tin phản hồi (số công văn, ngày công văn, đơn vị tiếp nhận); - Công việc khác	
Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo; - Minh họa bằng sơ đồ dòng tiền (nếu có) - Minh họa bằng sơ đồ mối quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức được nêu trong báo cáo (nếu có). - Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.	

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO*
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KIỂM SOÁT*
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Phần I:

(1h): Chỉ rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thông tin trao đổi từ Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(1k) Ghi rõ Cơ quan quản lý hoạt động của đối tượng báo cáo là:

- 1- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 2- Bộ Tài chính
- 3- Bộ Tư pháp
- 4- Khác(Vui lòng nêu rõ)

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị bằng chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo bằng chữ thường, có dấu.

Phần II:

Trường hợp lựa chọn “Khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ, sản phẩm do đối tượng báo cáo cung cấp” thì các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Trường hợp lựa chọn “Khác (các trường hợp đối tượng báo cáo chưa có đầy đủ thông tin theo yêu cầu về cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ):” điền các thông tin đối tượng báo cáo thu thập được.

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống nếu khách hàng là tổ chức). Trường hợp có nhiều cá nhân thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi cá nhân. Nếu có từ 10 cá nhân trở lên có thể tạo thành bảng chi tiết thông tin cá nhân, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin như quy định tại phần này.

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch bằng chữ thường, có dấu.

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô “Khác”.

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống nếu là khách hàng cá nhân). Trường hợp có nhiều tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi tổ chức.

(2.1 b): Để trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức bằng chữ thường, có dấu

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.2d): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.2e):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.2h): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(3): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi, đối tượng báo cáo chèn thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(1c): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ khủng bố.

(1d): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo có căn cứ để nghi ngờ/phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

(2.1): Lựa chọn một trong hai trường hợp (a) hoặc (b).

(2.2): Bắt buộc điền thông tin trong trường hợp lựa chọn tại mục (2.1.) là (a).

(4): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền (có thể mô tả tổng quan về khách hàng và giao dịch của khách hàng; từ đó làm rõ, nêu bật các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường).

(5): Loại tội phạm có thể liên quan đến giao dịch đáng ngờ: có thể lựa chọn nhiều loại tội phạm.

(6): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

NGƯỜI KIỂM SOÁT: là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền hợp pháp đối với đối tượng báo cáo là tổ chức. Cá nhân hoặc người được cá nhân ủy quyền đối với đối tượng báo cáo là cá nhân. Người được ủy quyền phải là người được quy định tại khoản 9a Điều 5 Thông tư này hoặc là người thuộc bộ phận chuyên trách (tổ, phòng, ban), bộ phận phụ trách hoặc người phụ trách tại trụ sở chính được quy định tại khoản 9b Điều 5 Thông tư này.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cục Phòng, chống rửa tiền - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.

(ii) Các cá nhân, tổ chức được nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau và thể hiện trong phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.